

Day & học

Số 6 - tháng 12 | 2018

HỌC TẬP VÀ CỘNG ĐỒNG

08

HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG LÀ GÌ?

21

PHƯƠNG PHÁP NHÓM HỌC TẬP JIGSAW

17

9 CÁCH CHA MẸ CÓ THỂ
GIÚP CON XỬ LÝ CẢM XÚC GHEN TỊ

24

NGÔI TRƯỜNG THẤU CẢM

HỌC THẾ NÀO?

SINH VIÊN NGÀNH Y CẦN PHẢI HỌC NGHỆ THUẬT ĐỂ
TRỞ THÀNH BÁC SĨ TỐT?06

Vân Anh dịch

HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG LÀ GÌ?08

Tâm Ngô dịch

DẠY THẾ NÀO?

MÔ HÌNH KIRKPATRICK:

BỐN CẤP BẬC ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP12

Trung Hà dịch

9 CÁCH CHA MẸ CÓ THỂ GIÚP CON
XỬ LÝ CẢM XÚC GHEN TỊ17

Phạm Mai Hằng dịch

PHƯƠNG PHÁP NHÓM HỌC TẬP JIGSAW21

Trung Hà tổng hợp

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

NGÔI TRƯỜNG THẤU CẢM24

Diệu Nguyễn dịch

CẢI TỔ GIÁO DỤC

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC TRẺ NHỎ

LÀM TÌNH NGUYỆN30

Giang Thanh Tuấn dịch

HƯỚNG ĐI NÀO CHO VIỆC: THẤU CẢM VĂN HÓA34

Tuấn Minh dịch

GIỚI THIỆU SÁCH

GIỚI THIỆU SÁCH:

HOW WILL YOU MEASURE YOUR LIFE?37

Trâm Lê giới thiệu

TỪ THỰC ĐỊA

TỪ BÓNG ĐÈN TRONG TRANG SÁCH ĐẾN “ÁNH SÁNG
HẠNH PHÚC” CHO CỘNG ĐỒNG39

Trương Thanh Hiền

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Cảm ơn những người hùng bản địa (local champions) như các bạn! Tôi nghĩ rằng một ấn phẩm với định hướng thực hành như Dạy & Học có thể đem lại ảnh hưởng lớn, không chỉ ở những lời khuyên thực tế dành cho giáo viên, mà còn giúp nâng cao vị thế nghề nghiệp và cách mà giáo viên suy nghĩ về bản thân và công việc của mình.”

- TS Daniel Gray Wilson,
Giám đốc Đề án Sổ không,
Trường Giáo dục Harvard

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Rất nhanh thôi, năm 2018 sẽ trôi qua. Chúng ta sẽ đón 2019 với nhiều hân hoan, kỳ vọng, với cả những kỷ niệm và tiếc nuối cho những gì mình đã và chưa đã trong cả năm vừa qua.

Vậy là, Dạy & Học đã ra được sáu kỳ, một con số không hề lớn nhưng lại luôn chứa đựng những cảm xúc lớn, từ những độc giả trông mong từng ngày để được đọc ấn phẩm số mới, và từ chính những tình nguyện viên hội hợp chờ đợi phản hồi về nội dung, chất lượng để không ngừng cải tiến.

Trong thời khắc chuyển giao này, đội ngũ Ban Biên tập xin được gửi lời cảm ơn vô cùng sâu sắc tới quý vị độc giả trên mọi miền Tổ quốc, khắp miền viễn xứ đã luôn tin, yêu Dạy & Học.

Dạy & Học số 6 với chủ đề “Học tập và Cộng đồng” sẽ cùng chúng ta khám phá một loạt câu hỏi như: Tại sao sinh viên ngành Y cần học nghệ thuật để trở thành bác sĩ tốt? Học tập phục vụ cộng đồng là gì? Khi nào là phù hợp để trẻ bắt đầu tham gia các hoạt động tình nguyện? Thế nào là một ngôi trường thấu cảm? Làm thế nào để thấu cảm được các giá trị văn hoá?

Bên cạnh đó, mô hình thiết kế sư phạm Kirkpatrick và phương pháp học tập Jigsaw được giới thiệu với kỳ vọng tiếp tục làm phong phú thêm năng lực sư phạm của quý thầy cô. Như thường lệ, một cuốn sách và một câu chuyện được kể với chúng ta tại những trang cuối cùng của ấn phẩm.

Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức





SINH VIÊN NGÀNH Y CẦN PHẢI HỌC NGHỆ THUẬT ĐỂ TRỞ THÀNH BÁC SĨ TỐT?

[Josh Jones](#)¹ | Vân Anh dịch

Tại sao các trường Y yêu cầu sinh viên tham gia các lớp học nghệ thuật, và Làm thế nào để sinh viên ngành Y trở thành bác sĩ giỏi hơn?

Gần đây, tôi có theo dõi vài cuộc tranh biện về các chương trình STEM thiếu giáo dục về nghệ thuật và nhân văn. Do đó, một lập luận được đưa ra: các nhà khoa học, kĩ sư, và các lập trình viên thường xuyên tập trung vào các sản phẩm dành cho con người, nhưng không dành nhiều thời gian để tìm hiểu về con người. Nếu không có các khóa học bắt buộc, như tâm lý học, triết học, xã hội học, văn học, ...sinh viên có thể sẽ suy nghĩ theo chiều hướng mang những thành kiến, hoặc nhìn ra những vấn đề đạo đức nghiêm trọng, bất bình đẳng xã hội.

Sai sót công nghệ là đủ tệ. Sai sót y khoa thậm chí còn gây hại nhiều hơn, hoặc gây tử vong ngay lập tức. Chúng ta có thể cho rằng một bác sĩ bên cạnh bệnh nhân tại giường bệnh hoàn toàn chỉ là vấn đề cá tính cá nhân, nhưng nhiều trường y quyết định họ cần phải chủ động hơn khi đào tạo các bác sĩ tương lai về khả năng lắng nghe nhân đạo. Và một số trường đã bắt đầu sử dụng nghệ thuật để thúc đẩy tư duy sáng tạo, đồng cảm, và cải thiện giao tiếp giữa bác sĩ – bệnh nhân. Dr. House bỏ qua các lời chỉ trích, nhà chẩn đoán tuyệt nhất thật sự phải có đôi tai cảm thông.

Như Dr. Michael Flanagan thuộc Đại học Y khoa bang Pennsylvania chỉ ra: “Công việc của chúng tôi là thu thập thông tin từ các bệnh nhân. Thông qua việc giao tiếp hiệu quả, và thiết lập mối quan hệ với các bệnh nhân để họ cảm thấy

¹ Tác gia, nhạc sĩ sống tại Durham, Bắc Carolina, Hoa Kỳ

thoải mái hơn khi nói với bạn về các triệu chứng của họ, bạn có nhiều khả năng chẩn đoán và có sự hài lòng của bệnh nhân cao hơn. Từ cái nhìn của bệnh nhân, chẩn đoán chính xác có thể có ý nghĩa hơn sự thỏa mãn; nó có thể nghĩa là sự khác biệt giữa sự sống và cái chết, đau khổ lâu dài hoặc hồi phục nhanh chóng. Bức tranh ẩn tượng nhất có thể tạo nên sự khác biệt đó không? Dr. Flanagan nghĩ rằng nó là một sự khởi đầu. Hội thảo của ông 'Sự ẩn tượng và nghệ thuật giao tiếp' yêu cầu các sinh viên y khoa năm thứ 4 tiếp xúc với các tác phẩm của Vincent van Gogh và Claude Monet, hoàn thành các bài tập 'giới hạn từ các hoạt động quan sát và viết lách chuyển sang vẽ theo phong cách của họa sĩ', Artsy chú thích. Xuyên suốt quá trình, họ học cách giao tiếp tốt hơn với bệnh nhân bằng cách phát triển những hiểu biết về các đối tượng như bệnh tâm thần hoặc thiếu năng. Tại sao các môn này không được học trong Khóa học tâm lý học?

Một câu trả lời đến từ Phó giáo sư lịch sử nghệ thuật của bang Pennsylvania, bà Nancy Locke, người giảng dạy cho các lớp học ở Flanagan. "Nghệ thuật có thể khiến mọi người thấy cuộc sống của họ khác đi", bà nói, "Các bác sĩ sẽ thấy mọi người thường xuyên gặp phải một số vấn đề nhất định". Và họ có thể bắt đầu nghiên cứu bệnh nhân của họ theo cách họ tìm hiểu về các căn bệnh hay các rối loạn chức năng. Nhưng bức tranh có thể được tiếp tục hay không là một thách thức, và luôn có nhiều câu hỏi mới được đặt ra. Bức tranh của trường phái ẩn tượng chỉ đại diện cho một con đường giữa nhiều con đường khác, cho tâm trí mơ hồ của con người.

Một giáo sư khác của bang Pennsylvania, Dr. Paul Haidet, giám đốc nghiên cứu giáo dục y tế, đã tổ chức một buổi hội thảo về nhạc jazz và sự giao tiếp y khoa cho sinh viên năm thứ 4 vào năm 2014 và 2015. Khi ông đề cập video trên, chính Flanagan đã tham gia khóa học. 'Một nhạc sĩ jazz chỉ cung cấp không gian cho người

khác thường thức' ông ấy nói trong tờ báo tin tức ở bang Pennsylvania, 'là những bác sĩ, chúng tôi cần cung cấp không gian cho bệnh nhân của chúng tôi để giao tiếp theo phong cách riêng của họ. Đó là một thí nghiệm nghiệm chuyển đổi, không giống như bất cứ điều gì tôi đã từng có ở trường Y'. Sau đó, ông được truyền cảm hứng để giới thiệu khóa học vẽ của mình.

Người ta có thể tưởng tượng ra các lớp học về tiểu thuyết Victoria, thơ hiện đại, hoặc các điệu nhảy ngẫu hứng có hiệu quả tương tự nhau. Những trường y khác chắc chắn cũng đồng ý như vậy. Dr. Delphine Taylor, phó giáo sư y khoa tại Trung tâm y tế đại học Columbia, 'nhấn mạnh rằng các hoạt động tập trung vào nghệ thuật rất quan trọng trong việc đào tạo các bác sĩ tương lai tồn tại và có nhận thức'. Artsy viết, 'đó là điều ngày càng khó khăn trong thời đại công nghệ và truyền thông ngày nay'. Các chương trình nghệ thuật cũng được chấp thuận tại các trường y ở Yale, Harvard, và UT Austin.

Sự kết hợp nghệ thuật vào khoa học đã có tiền lệ từ lâu – nhiều nhà khoa học nổi tiếng cũng có niềm đam mê với văn học, nhiếp ảnh, hội họa, và âm nhạc. (Einstein là một ví dụ, vilon là một phần không thể thiếu của ông ấy). Khi nghệ thuật và khoa học ngày càng xa nhau, vì những lý do liên quan đến cấu trúc của giáo dục đại học là tiếng gọi của nền kinh tế thị trường, các nhà khoa học và các bác sĩ bị nhận một nền giáo dục khai phóng ngày càng ít phổ biến hơn. Mặt khác, ngày nay sinh viên giáo dục khai phóng có thể được nhận nhiều lợi ích từ các khóa học STEM được yêu cầu, nhưng đó là câu chuyện cho một ngày khác.



Service Learning

©uncw.edu

HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG LÀ GÌ?

Joe Bandy¹ | Tâm Ngô dịch

Các phương pháp sư phạm tương tác với cộng đồng, hay thường được gọi là “Học tập thông qua phục vụ cộng đồng” (hay “học trong cộng đồng”), là những phương pháp kết hợp các mục tiêu học tập và dịch vụ cộng đồng theo những cách có thể giúp tăng cường cả sự phát triển của sinh viên cũng như các lợi ích chung. Theo định nghĩa của Phòng Học tập Cộng đồng Quốc gia Hoa Kỳ (National Service Learning Clearinghouse), “Học tập phục vụ cộng đồng” là “một chiến lược dạy và học tích hợp các dịch vụ cộng đồng ý nghĩa với hướng dẫn và nhận xét nhằm mục đích: làm phong phú kinh nghiệm học tập; giảng dạy trách nhiệm công dân; và củng cố tinh thần cộng đồng”.

Bên cạnh đó, Janet S. Eyler tại Đại học Vanderbilt (người thắng Giải thưởng Khoa học Thomas Ehrlich năm 2003 về Học tập cộng đồng) và Dwight E. Giles, Jr., cho rằng “Học tập phục vụ cộng đồng” là: “*Một hình thức giáo dục trải nghiệm, mà ở đó việc học tập diễn ra thông qua một chu kỳ hành động và tự chiêm nghiệm khi sinh viên... tìm cách đạt được các mục tiêu thiết thực cho cộng đồng và có được hiểu biết và các kỹ năng cho bản thân một cách sâu sắc hơn.*

Trong quá trình này, sinh viên sẽ kết nối sự phát triển của cá nhân mình và xã hội với sự phát triển học thuật và nhận thức... trải nghiệm sẽ tăng cường sự hiểu biết; từ đó sự hiểu biết dẫn đến hành động hiệu quả hơn”.

Thông thường, học tập trong cộng đồng được kết hợp vào một khóa học hoặc một chuỗi các khóa học thông qua một dự án có cả mục tiêu học tập và hành động cộng đồng. Dự án này được thiết kế thông qua sự hợp tác giữa Khoa và các đối tác cộng đồng, ví dụ các tổ chức phi chính phủ hoặc các cơ quan chính phủ. Dự án sẽ yêu cầu sinh viên áp dụng nội dung khóa học vào các hoạt động phục vụ cộng đồng. Điều này mang đến cho sinh viên những cơ hội trải nghiệm để học trong bối cảnh thế giới thực và phát triển các kỹ năng gắn kết cộng đồng, đồng thời tạo cơ hội cho các đối tác cộng đồng giải quyết nhu cầu thiết yếu. Sharon Shields của Đại học Vanderbilt đã lập luận rằng học tập trong cộng đồng là một trong những phương pháp giảng dạy quan trọng nhất đạt được nhiều động lực tại nhiều cơ sở. Thực tế cho thấy khi được áp dụng tốt, dạy học thông qua “học tập trong cộng đồng” đem lại nhiều lợi ích cho sinh viên, Khoa, cộng đồng và các trường Đại học. Dưới đây là một số lợi ích của học trong cộng đồng mà các nhà nghiên cứu giáo dục và giáo viên đã tư chung lại.

¹ Phó Giám đốc Trung tâm Giảng dạy, Đại học Vanderbilt

Lợi ích cho sinh viên**Các mục tiêu học tập**

- Tác động tích cực đến việc học tập của sinh viên
- Giúp sinh viên cải thiện khả năng áp dụng những gì đã học được vào thực tiễn
- Tác động tích cực đến kết quả học tập chẳng hạn hiểu các vấn đề được diễn giải phức tạp, phân tích vấn đề, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán và phát triển nhận thức
- Giúp cải thiện khả năng hiểu vấn đề phức tạp và mơ hồ

Kết quả cá nhân

- Ý thức tốt hơn về hiệu quả của bản thân, bản sắc cá nhân, sự phát triển tinh thần và đạo đức
- Phát triển giữa các cá nhân tốt hơn, đặc biệt là khả năng làm việc tốt với mọi người xung quanh, và xây dựng kỹ năng lãnh đạo và giao tiếp

Kết quả xã hội

- Giảm định kiến và hiểu biết đa văn hóa hơn
- Nâng cao trách nhiệm xã hội và các kỹ năng công dân
- Tham gia nhiều hơn vào các hoạt động phục vụ cộng đồng sau khi tốt nghiệp

Phát triển sự nghiệp

- Kết nối với các chuyên gia và các thành viên cộng đồng để có được cơ hội học tập và nghề nghiệp
- Việc học tập, kỹ năng lãnh đạo và hiệu quả cá nhân tốt hơn có thể đưa đến cơ hội tuyệt vời hơn

Mối quan hệ với tổ chức giáo dục

- Mối quan hệ bền chặt hơn với trường Đại học
- HÀi lòng hơn với trường đại học
- Tỷ lệ tốt nghiệp được cải thiện

Lợi ích cho Khoa

- HÀi lòng với chất lượng học tập của sinh viên
- Con đường mới cho nghiên cứu và xuất bản thông qua các mối quan hệ mới giữa khoa và cộng đồng
- Tạo cơ hội kết nối với khoa tham gia học tập trong cộng đồng ở các ngành khác hoặc các trường khác
- Cam kết mạnh mẽ hơn với việc nghiên cứu của khoa

Lợi ích cho các trường đại học và cao đẳng

- Cam kết đổi mới, nâng cao thể chế để phục vụ chương trình giảng dạy tốt hơn
- Cải thiện tỉ lệ sinh viên tiếp tục theo học
- Tăng cường mối quan hệ với cộng đồng

Lợi ích cho cộng đồng

- HÀi lòng với sự tham gia của sinh viên
- Có được nguồn nhân lực có giá trị cần thiết để đạt được các mục tiêu cộng đồng
- Có được nguồn năng lượng, sự nhiệt huyết và các góc nhìn mới để áp dụng cho công việc của cộng đồng
- củng cố mối quan hệ cộng đồng-đại học

Các mô hình giảng dạy Học tập trong cộng đồng

Trên thực tế, việc giảng dạy Học tập trong cộng đồng như thế nào? Có nhiều mô hình và mỗi loại đều có tính ứng dụng khác nhau. Theo Kerissa Heffernan, có sáu mô hình chung.

1. Mô hình dựa trên chuyên ngành học

Trong mô hình này, sinh viên được kỳ vọng có mặt tại cộng đồng trong suốt học kỳ và tự ôn lại các trải nghiệm của mình một cách thường xuyên. Khi suy ngẫm lại, sinh viên lấy nội dung khóa học làm cơ sở cho việc phân tích và hiểu các vấn đề quan trọng mang tính lý thuyết, phương pháp và đã được áp dụng.

2. Mô hình dựa trên vấn đề

Sinh viên thường liên tưởng công việc cộng đồng là việc các “nhà cố vấn” tư vấn cho “khách hàng” của mình. Sinh viên làm việc với các thành viên trong cộng đồng để hiểu một vấn đề hoặc nhu cầu cụ thể của cộng đồng. Mô hình này giả định rằng sinh viên có hoặc sẽ phát triển những năng lực cần thiết để giúp cộng đồng giải quyết vấn đề. Ví dụ: sinh viên ngành kiến trúc có thể thiết kế một công viên; sinh viên ngành kinh doanh có thể phát triển một trang web; sinh viên ngành thực vật học có thể xác định được những thực vật không phải là loài bản địa và đề xuất phương pháp diệt trừ.

3. Mô hình khóa học Capstone

Các khóa học này thường được thiết kế chung cho các chuyên ngành chính và chuyên ngành phụ ở một lĩnh vực được giao thì hầu hết chỉ được phân cho sinh viên năm cuối. Các khóa học Capstone yêu cầu sinh viên rút ra kiến thức thu nạp được trong suốt khóa học và kết hợp kiến thức đó với công việc cộng đồng có liên quan. Mục tiêu của các khóa học Capstone thường là khám phá một chủ đề mới hoặc tổng hợp những hiểu biết của sinh viên ngành học của mình.

4. Mô hình thực tập trong cộng đồng

Cách tiếp cận này đòi hỏi sinh viên làm việc từ 10 đến 20 giờ một tuần trong môi trường cộng đồng. Theo cách thực tập truyền thống, sinh viên được giao một khối lượng công việc có giá trị với cộng đồng. Tuy nhiên, không giống như thực tập truyền thống, khi thực tập trong cộng đồng, sinh viên nhận được phản hồi hướng dẫn của giảng viên, từ đó tạo động lực cho sinh viên phân tích trải nghiệm mới của mình thông qua sử dụng các lý thuyết dựa trên ngành học của mình. Thực tập trong cộng đồng tập trung vào tính tương hỗ: xuất phát từ ý tưởng rằng cả cộng đồng lẫn sinh viên đều được hưởng lợi như nhau từ những trải nghiệm.

5. Mô hình nghiên cứu hành động

Việc nghiên cứu hành động dựa trên cộng đồng tương tự như nghiên cứu độc lập cho sinh viên có nhiều kinh nghiệm trong công việc cộng đồng. Cách tiếp cận này có thể có hiệu quả với các

lớp học nhỏ hoặc các nhóm sinh viên. Trong mô hình này, sinh viên làm việc chặt chẽ với giảng viên của khoa để học phương pháp nghiên cứu trong khi vẫn làm việc cho cộng đồng. Mô hình này giả định rằng sinh viên đang hoặc có thể được đào tạo để có thể quản lý thời gian thành thạo và có thể đàm phán các cộng đồng đa dạng.

6. Mô hình nghiên cứu bổ sung/thêm tín chỉ theo hướng dẫn

Bằng cách sắp xếp với người hướng dẫn, sinh viên có thể đăng ký tối đa ba tín chỉ bổ sung/thêm trong một khóa học để hoàn thành một dự án dựa trên cộng đồng. Giảng viên hướng dẫn khóa học đóng vai trò là cố vấn cho lựa chọn cho mô hình học tập theo hướng dẫn. Việc sắp xếp như vậy đòi hỏi có sự chấp thuận của khoa và đăng ký chính thức từ sinh viên.

Một số cách tích hợp sự tham gia của cộng đồng vào một khóa học hiện tại

Có nhiều cách để tích hợp sự tham gia của cộng đồng vào một khóa học hiện có, tùy thuộc vào mục tiêu học tập, quy mô của lớp học, sự chuẩn bị của sinh viên và mối quan hệ đối tác cộng đồng hoặc loại dự án. Dưới đây là một số mẹo chung bạn có thể tham khảo khi bắt đầu:

- **Các dự án nhóm một lần:** Một số mục tiêu khóa học có thể đạt được khi cả lớp tham gia vào dự án dịch vụ một lần. Việc sắp xếp cho các dự án có thể được thực hiện trước học kỳ và được bao gồm trong chương trình học. Mô hình này tạo cơ hội để cho các giảng viên tương tác với đồng nghiệp vì những trải nghiệm chung mà họ chia sẻ. Các dự án một lần có kết quả học tập khác với các hoạt động dịch vụ khác đang diễn ra.
- **Lựa chọn trong khóa học:** Nhiều khoa bắt đầu việc học trong cộng đồng bằng một dự án thí điểm. Theo đó thì sinh viên có thể lựa chọn tham gia vào dự án cộng đồng. Một phần của các khóa học thông thường được thay thế bởi các công việc làm việc trong cộng đồng. Ví dụ, một bài

nghiên cứu truyền thống hoặc một dự án nhóm có thể được thay thế bằng một bài nghiên cứu dựa trên trải nghiệm hoặc một tạp chí mang tính cá nhân đúc kết việc học từ trải nghiệm khi học trong cộng đồng.

- ***Yêu cầu trong khóa học:*** Tại đây, tất cả các sinh viên đều phải tham gia vào công việc cộng đồng như một phần tích hợp của khóa học. Yêu cầu này cần được nêu rõ trong cuộc họp lớp học đầu tiên, trong giáo trình, với giải thích rõ ràng tại sao việc học trong cộng đồng lại được yêu cầu đưa vào khóa học. Một số ngoại lệ được áp dụng đối với một vài sinh viên, hoặc sinh viên có thể chuyển sang một lớp khác. Nếu tất cả các sinh viên tham gia vào công việc cộng đồng, việc thiết kế các khóa học (ví dụ, thảo luận trên lớp, viết bài luận, đề thi) sẽ dễ dàng hơn, do có thể tích hợp những trải nghiệm công việc của sinh viên với mục tiêu của khóa học. Trong các buổi học, cán bộ nhân viên tại một cơ quan tổ chức có thể được mời đến tham gia, và học sinh có thể đến thăm cơ sở thực địa. Duy trì đều đặn việc này sẽ giúp báo cáo của Khoa liên quan đến xây dựng quan hệ đối tác với cộng đồng trở nên dễ dàng hơn.
- ***Dự án nghiên cứu hành động:*** Ở dạng lớp học này, sinh viên tham gia nghiên cứu trong cộng đồng. Kết quả nghiên cứu được gửi tới cơ quan tổ chức để có thể được sử dụng và giải quyết nhu cầu của cộng đồng. Mất rất nhiều thời gian xây dựng mối quan hệ tin tưởng trong cộng đồng để thực hiện tham gia nghiên cứu hành động cũng như xác định các chương trình nghiên cứu chung, tuy nhiên các dự án nghiên cứu cộng đồng lại có thể hỗ trợ nghiên cứu đang diễn ra của Khoa. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho tất cả các bên liên quan, cần thiết phải mở rộng nghiên cứu vượt ra khỏi giới hạn của một học kỳ.

- ***Các dự án capstone chuyên ngành:*** Học trong cộng đồng là cách tuyệt vời giúp sinh viên xây dựng kiến thức tích lũy trong một chuyên ngành cụ thể và giải thích sự tích hợp kiến thức đó với các vấn đề thực tế. Sinh viên khoa trên sẽ nhận ra rằng kiến thức chuyên môn cũng như năng lực của mình có thể áp dụng vào thực tiễn để giải quyết những nhu cầu của cộng đồng. Các lớp học dựa trên cộng đồng khác trong khoa có thể giúp sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng hơn cho lớp học dựa trên cộng đồng này.
- ***Các dự án liên môn:*** Các dự án học trong cộng đồng với một hoặc nhiều đối tác có thể trải dài ở các môn học khác nhau trong cùng một học kỳ hoặc nhiều khóa học trong một năm hoặc lâu hơn. Các dự án này phải đủ rộng để đáp ứng mục tiêu học tập của nhiều môn học theo thời gian, và vì thế, các môn học có thể tạo ra tác động tích lũy một cách mạnh mẽ đến cả việc học tập của người học và sự phát triển cộng đồng. Các dự án như vậy có thể đặc biệt phù hợp với các cụm môn học hoặc cộng đồng học tập trong cùng hoặc liên ngành, hoặc chuỗi khóa học, trong một chuyên ngành mà xây dựng năng lực của người học hướng đến các mục tiêu học tập và hành động cộng đồng nâng cao.



© idronline.org

MÔ HÌNH KIRKPATRICK: BỐN CẤP BẬC ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

Serhat Kurt | Trung Hà dịch

Mô hình Kirkpatrick có lẽ là mô hình nổi tiếng nhất trong việc phân tích và đánh giá kết quả của những chương trình giáo dục và đào tạo. Mô hình có thể được sử dụng với bất kỳ hình thức rèn luyện nào, chính quy hay không chính quy, để đánh giá năng lực dựa trên các tiêu chí chia thành bốn cấp độ.

Cấp độ 1 – Phản Ứng (Reaction) đánh giá cách những người tham gia phản ứng với chương trình đào tạo (ví dụ: có hài lòng không?). Cấp

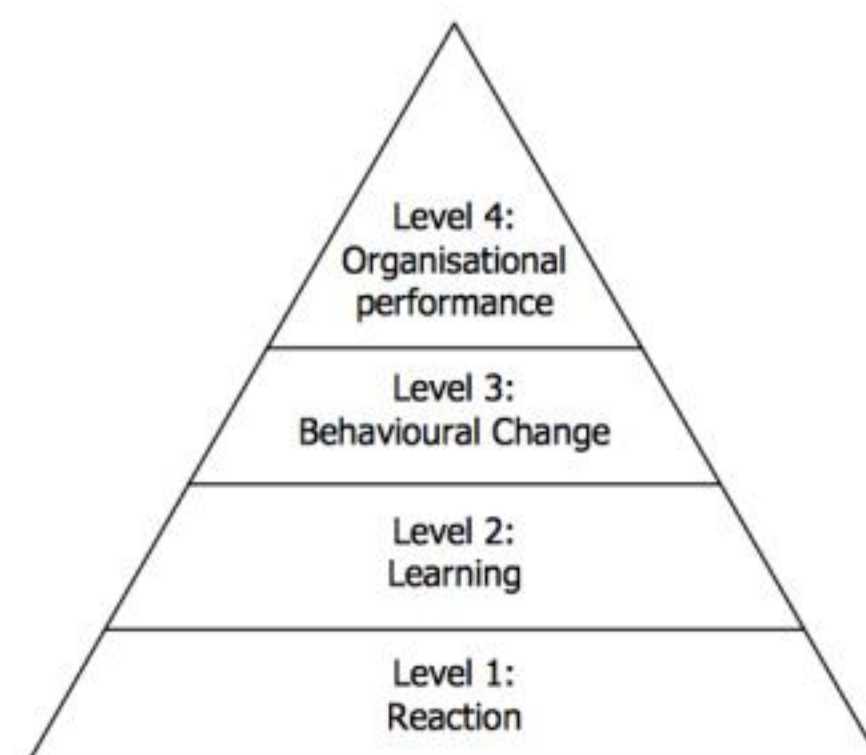
độ 2 – Học Tập (Learning) phân tích xem học viên có thực sự hiểu những gì được dạy trong chương trình đào tạo không (ví dụ: kinh nghiệm, kỹ năng hay kiến thức có tăng không?). Cấp độ 3 – Hành Vi (Behaviors) xem xét xem học viên có thể ứng dụng được những gì đã học ở nơi làm việc không (ví dụ: thay đổi trong hành vi?), và Cấp độ 4 – Kết Quả (Results) đánh giá xem những gì được dạy có ảnh hưởng tích cực tới doanh nghiệp/tổ chức hay không.



Mô hình này được phát triển bởi tiến sĩ Donald Kirkpatrick (1924-2014) vào những năm 1950. Mô hình này có thể được thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo để chỉ ra giá trị của việc rèn luyện đó tới doanh nghiệp.

Như có thể thấy trong mô hình này, quá trình đánh giá cần được bắt đầu từ cấp độ 1, rồi khi thời gian và các tài nguyên khác cho phép, mới tiếp tục lên các cấp độ 2, 3 và 4. Những dữ liệu thu thập được từ các cấp độ trước có thể được sử dụng làm nền tảng cho những phân tích ở các cấp độ sau. Nhờ đó, mỗi cấp độ sau đều đem lại những đo lường chính xác hơn về sự hữu ích của khóa đào tạo, mặt khác sẽ làm quá trình đánh giá tốn nhiều thời gian và phức tạp hơn.

Không có gì là ngạc nhiên khi phương pháp được sử dụng nhiều nhất, phổ biến nhất như một kim chỉ nam trong việc đánh giá đào tạo trong các doanh nghiệp ngày nay là mô hình 4 cấp độ của Kirkpatrick. Trong hơn 30 năm qua, nhiều công ty thuộc nhiều loại hình đã sử dụng mô hình Kirkpatrick như một hệ thống chính thống cho việc đánh giá rèn luyện. Tầm nhìn của Kirkpatrick rõ ràng đã đem lại ảnh hưởng tích cực tới việc đánh giá đào tạo nói chung trong các công ty.



Source: from Kirkpatrick, 1996

Cấp độ đánh giá 1 – Phản Ứng

Những người tham gia đã thích điều gì ở chương trình/khóa đào tạo này? Họ cảm thấy thế nào?

Mục tiêu của cấp độ này khá rõ ràng: đánh giá cách các cá nhân phản ứng với mô hình đào tạo bằng cách đưa ra những câu hỏi để thu thập suy nghĩ của những người được đào tạo. Các câu hỏi này sẽ giúp tìm xem liệu người tham gia có thích những trải nghiệm này không, và liệu họ có thấy những tài liệu trong chương trình đào tạo hữu ích cho công việc của họ không. Hình thức đánh giá này thường được nhắc tới với cái tên “smile sheet”.

Như đã được đề xuất bởi Kirkpatrick, mọi chương trình đào tạo đều cần được đánh giá ở cấp độ này để giúp mô hình phát triển hơn, phục vụ cho mục đích sử dụng mô hình sau này. Quan trọng hơn, những phản hồi của những người tham gia rất quan trọng trong việc đánh giá được mức độ nghiêm túc của họ ở các cấp độ sau. Mặc dù một phản ứng tích cực không đảm bảo rằng cấp độ sau sẽ diễn ra, nhưng một phản hồi tiêu cực chắc chắn có nghĩa người tham gia rất có thể sẽ không tập trung tới việc đào tạo sau này.

Ví dụ về những tài nguyên và phương pháp có thể dùng trong cấp độ 1:

- Bài đánh giá online – có thể được chấm bởi người đánh giá/người được ủy nhiệm.
- Phỏng vấn
- Việc đánh giá có thể được làm ngay sau khi chương trình đào tạo kết thúc
- Những người tham gia có hài lòng về người hướng dẫn không?
- Chương trình đào tạo có đáp ứng được những nhu cầu của người tham gia không?
- Những người tham gia có hài lòng về những công cụ học tập được cấp không? (Powerpoint, tài liệu in sẵn...)
- Các báo cáo dưới dạng in giấy hoặc thuyết trình bởi người đánh giá/người được ủy nhiệm tới người giám sát ở công ty/tổ chức của người tham gia.
- Những nhận xét dưới nhiều hình thức rút ra từ những phản ứng chủ quan của các cá nhân về chương trình đào tạo.
- Bảng khảo sát sau khi kết thúc chương trình đào tạo
- Những lời phản hồi đáng để ghi nhận
- Nên khuyến khích những phản hồi viết trên giấy
- Cố gắng thu thập những phản hồi và nhận xét trung thực.

Cấp độ đánh giá 2 – Học Tập

Có kỹ năng/kiến thức/thái độ nào mới không? Người tham gia đã học được/không học được cái gì? Cấp độ này có mục đích đánh giá xem những người tham gia đã phát triển chuyên môn/kiến thức/ hay tư duy ở mức độ nào. Tìm ra câu trả lời ở cấp độ này khó khăn hơn và mất nhiều thời gian hơn nhiều so với cấp độ 1.

Những phương pháp đánh giá có thể được sử dụng linh hoạt, từ các bài kiểm tra chính thức và không chính thức, đánh giá cá nhân hoặc đánh giá theo nhóm. Nếu điều kiện cho phép, người tham gia nên được kiểm tra trước và sau

chương trình đào tạo để có thể đánh giá được họ đã học được bao nhiêu.

Ví dụ về các công cụ và quy trình ở cấp độ 2:

- Việc đo lường và đánh giá đơn giản và dễ hiểu với nhóm đào tạo ở mọi quy mô.
- Bạn có thể dùng nhóm đối chứng (control group) để tiện so sánh.
- Các kì thi, cuộc phỏng vấn hay các bài đánh giá được thực hiện trước và sau chương trình đào tạo
- Quan sát bởi bạn học và người hướng dẫn
- Các bài đánh giá nên được định hướng phù hợp với mục đích chương trình đào tạo
- Quy trình đánh giá cần được rõ ràng, minh bạch để tránh trường hợp các báo cáo đánh giá có kết quả không nhất quán
- Việc đánh giá có thể được diễn ra dưới dạng phỏng vấn, làm trên giấy hoặc trên máy tính.
- Trước và sau mỗi bài đánh giá nên có một cuộc phỏng vấn, mặc dù điều này có thể mất thời gian và kết quả có thể không đáng tin cậy.

Cấp độ đánh giá 3 – Chuyển Hóa

Những người tham gia có áp dụng những gì họ học được không?

Cấp độ này phân tích những khác biệt trong hành vi của người tham gia ở nơi làm việc sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Đánh giá được sự thay đổi đó sẽ giúp tìm ra được liệu những kiến thức, tư duy, hay kỹ năng mà chương trình đào tạo dạy có được sử dụng ở chỗ làm của người tham gia hay không.

Với phần lớn những người tham gia, cấp độ này đem lại đánh giá đúng nhất về tính thực tiễn của chương trình. Mặc dù vậy, việc kiểm tra ở cấp độ này khá khó khăn khi gần như không thể dự đoán khi nào một người sẽ bắt đầu tận dụng đúng những gì đã học được từ chương trình

đào tạo. Điều này làm việc xác định chính xác thời điểm, tần suất, và cách đánh giá một người tham gia sau khi kết thúc chương trình đào tạo trở nên không dễ dàng. Cấp độ này bắt đầu vào khoảng 3-6 tháng sau khi kết thúc chương trình đào tạo.

Ví dụ về các tài nguyên và kỹ thuật cho việc đánh giá ở cấp độ 3:

- Có thể được thực hiện qua quan sát hay phỏng vấn
- Việc đánh giá cần được thực hiện một cách tế nhị cho tới khi các thay đổi có thể được nhìn thấy rõ ràng. Sau giai đoạn này thì việc kiểm tra kỹ lưỡng hơn có thể được tiến hành.
- Những kiến thức và kỹ năng học được có được sử dụng không?
- Cần dùng bản khảo sát và quan sát sau một khoảng thời gian để đánh giá những thay đổi lớn, sự quan trọng của những thay đổi đó, và những thay đổi đó sẽ kéo dài bao lâu.
- Khá khó khăn trong việc tích hợp các bài đánh giá online ở cấp độ này. Các bài kiểm tra thường sẽ hiệu quả hơn nếu được tích hợp vào công tác quản lý hiện thời và các hình thức đào tạo ở nơi làm việc của người tham gia.
- Các bài kiểm tra ngắn ngay sau chương trình đào tạo sẽ không đáng tin cậy bởi mỗi cá nhân có những thay đổi khác nhau ở các thời điểm khác nhau.
- Phản-Hỏi-360-Độ là công cụ được nhiều doanh nghiệp sử dụng, nhưng lại không cần thiết trong giai đoạn trước khi bắt đầu chương trình đào tạo. Tốt hơn nên sử dụng công cụ này sau chương trình đào tạo để những người tham gia có thể tự phát hiện ra cần làm điều gì khác đi so với trước. Sau khi đã quan sát được những thay đổi sau một khoảng thời gian, hiệu suất làm việc của người tham gia có

thể được nhận xét bởi những người khác để có được sự đánh giá chính xác hơn. Các đánh giá có thể được phát triển dựa trên những tình huống thực tế và những chỉ số hiệu suất rõ ràng hoặc những yêu cầu tương ứng với công việc của người tham gia.

- Nên dùng việc quan sát để hạn chế những góc nhìn chủ quan của người phỏng vấn, bởi sự không ổn định của yếu tố này có thể ảnh hưởng tới tính đồng nhất và khả năng tin tưởng được của các bài đánh giá.
- Cân nhắc ý kiến của người tham gia cũng là một yếu tố không ổn định bởi nó làm việc đánh giá trở nên không đáng tin cậy. Vì vậy, điều quan trọng là các bài đánh giá cần được tập trung vào những yếu tố có thể xác định rõ ràng, ví dụ như kết quả nơi làm việc hơn là các ý kiến chủ quan.
- Việc tự đánh giá chỉ hiệu quả khi có những hướng dẫn kỹ càng và cụ thể.

Cấp độ đánh giá 4 – Kết Quả

Kết quả cuối cùng của chương trình đào tạo là gì?

Thường được cho là mục tiêu quan trọng nhất của chương trình đào tạo, cấp độ 4 xác định thành quả cuối cùng của chương trình bằng cách đo lường những yếu tố như chi phí ít hơn, tỉ lệ hoàn vốn cao hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn, ít tai nạn nghề nghiệp hơn, thời gian sản xuất hiệu quả hơn, và bán được nhiều sản phẩm hơn.

Từ góc nhìn doanh nghiệp, những yếu tố bên trên là lý do chính để sử dụng mô hình này, mặc dù vậy cấp độ 4 – Kết Quả này vẫn không thường được sử dụng, bởi rất khó để biết chính xác liệu kết quả của chương trình đào tạo có liên quan tới những kết quả tài chính tốt hơn hay không.

Các hình thức, công cụ và chiến thuật đánh giá ở cấp độ 4:

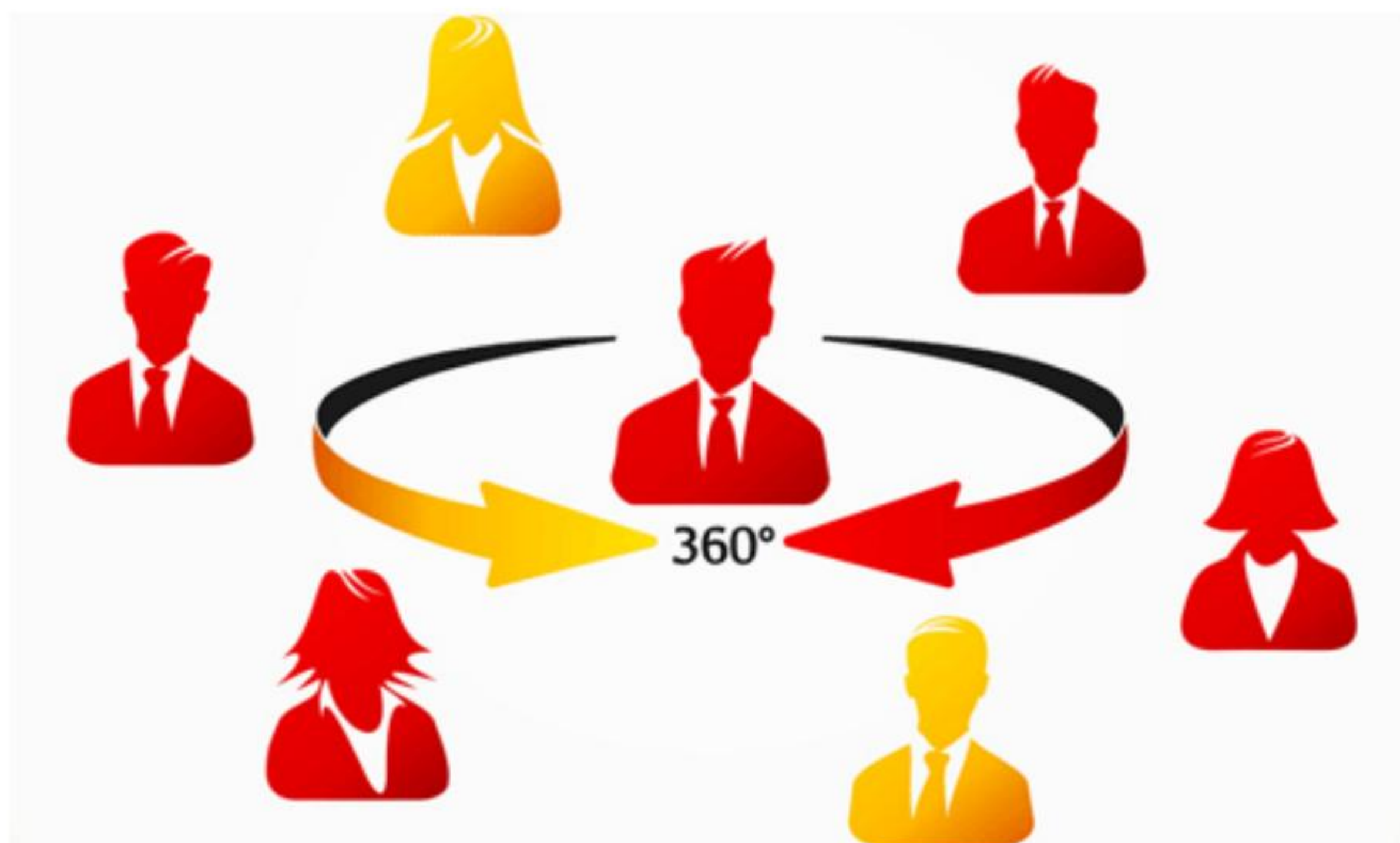
- Người tham gia nên được biết chính xác những gì sẽ được đo lường trong suốt và cả sau chương trình đào tạo để họ biết được những kỳ vọng là gì và cái gì sẽ được đánh giá.
- Sử dụng nhóm đối chứng.
- Có đủ thời gian để đo lường/đánh giá
- Không có thay đổi tích cực nào đồng nghĩa với không có kết quả cuối cùng.
- Quan sát không chính xác và không liên hệ với quá trình đào tạo sẽ làm việc phát hiện ra những thay đổi mà chương trình đào tạo đem lại ở nơi làm việc trở nên khó khăn hơn.
- Cấp độ này có mục đích tìm ra những phương pháp, quy trình nào phản ánh đúng với phản hồi từ những người tham gia.

- Với những cá nhân có cấp bậc cao hơn, các đánh giá hàng năm và việc điều chỉnh các mục tiêu kinh tế quan trọng một cách đều đặn rất quan trọng trong việc đánh giá chính xác thành quả kinh tế nào được tạo ra nhờ chương trình đào tạo.

Tư liệu tham khảo

Kirkpatrick, D. (1996). Revisiting Kirkpatrick's four-level-model. Training & Development, 1, 54-57.

Kirkpatrick, D. L. (1994). Evaluating training programs: the four levels. San Francisco: Berrett-Koehler.





9 CÁCH CHA MẸ CÓ THỂ GIÚP CON XỬ LÝ CẢM XÚC GHEN TỊ

Phyllis L. Fagell² | Phạm Mai Hằng dịch
 Nguồn: Virginia Wolf

Tôi đã từng có 3 học sinh lớp sáu mong muốn được vào đội bóng bán chuyên ở của một câu lạc bộ (travel soccer), tuy nhiên chỉ có duy nhất một em được lựa chọn. Hai em còn lại đã lan truyền một tin sai lệch đó là bạn được lựa chọn chẳng qua là vì bác của bạn ấy là huấn luyện viên. Đó không phải lần đầu tiên trong sự nghiệp là tư vấn tâm lý trường học tôi chứng kiến các em nhỏ đã có những hành vi thái độ không đúng mực chỉ vì tâm lý ghen tị.

1 Washington Post

2 Phyllis L. Fagell là tư vấn tâm lý tại trường Sheridan ở Washington và là nhà trị liệu tại Chrysalis Group. Xem thêm các bài viết của bà trên Tweeter tại [@pfagell](https://twitter.com/pfagell) và trên trang cá nhân tại địa chỉ phyllisfagell.com.

Về bản chất, ghen tị là trạng thái con người cảm thấy bất an, sợ sệt hoặc là cảm thấy có sự cạnh tranh, giành giật, theo như Giáo sư tâm lý học của Đại học Melbourne, Lea Waters, tác giả cuốn “Sự dịch chuyển sức mạnh” ([The Strength Switch](https://www.brightstarbedtimestories.com/)) giải thích. “Đó là trạng thái tôi không cảm thấy thỏa mãn, có điều gì đó bị tuột mất.”

Đó có thể là sự ghen tị về diện mạo, có thể là số lượng người theo dõi (followers) trên Instagram, cũng có khi chỉ là cảm giác “bạn con không phải giải quyết cái thứ khó chịu này giống như con”, theo như Adam Pletter, một nhà tâm lý học và là sáng lập viên của [iParent 101](https://www.iparent101.com/), một trang mạng hướng tới việc nuôi dưỡng những đứa trẻ “công nghệ”. Nó có thể xuất phát từ cuộc sống gia đình

không ổn định hay những thách thức trong học hành.

Trạng thái này luôn tồn tại xung quanh chúng ta, theo ghi chép của Richard Weissbourd, Giám đốc dự án Chăm sóc Cộng đồng (Making Caring Common) của Trường Giáo dục sau đại học Harvard. “Người Hy Lạp viết về nó. Shakespeare viết về nó. Nó có trong kinh thánh.”

Thực tế là trẻ em ngày nay có thể phải xoay sở nhiều hơn so với thế hệ bố mẹ trước đây, *“Chúng đang phải nhận quá nhiều lời chỉ trích từ bạn bè và xã hội về những sai sót hay thất bại của chúng”* theo Sameer Hinduja, giáo sư về tội phạm hình sự và công lý hình sự tại Đại học Florida Atlantic và là đồng giám đốc Trung tâm Nghiên cứu vấn nạn bắt nạt qua mạng (Cyberbullying Research Center). *“Với các bạn trẻ đang nỗ lực tìm kiếm giá trị của bản thân, thì điều này thật sự là một cú sốc tinh thần”*. Nó cũng có thể dẫn đến những lựa chọn sai lầm. Theo Hinduja, nghiên cứu đã chỉ ra rằng ghen tị là động cơ hàng đầu của vấn nạn bắt nạt qua mạng. Nhưng không có cách nào đánh bại cảm xúc đó. *“Trong một số cách, khi chúng ta cố gắng xóa bỏ đi những cảm xúc tiêu cực thì thực tế chúng ta lại đang thổi bùng nó lên”* theo Lisa Damour, nhà tâm lý học và là tác giả của cuốn “Gỡ rối” (Untangled). Thay vào đó, cha mẹ có thể áp dụng 9 cách sau để giúp con mình nhận ra và xử lý ổn thỏa tâm lý ghen tị.

Chia sẻ về sự bất an

“Tôi đã kể với con gái tôi câu chuyện của chính tôi” Claire Shipman, tác giả của cuốn “Nguyên tắc tự tin của các cô gái” (The confidence Code for Girls) chia sẻ. “Tôi nói: từng có một người phụ nữ khiến mẹ hơi ghen tị vì cô ấy thực sự có quá nhiều năng lượng, nhưng đây là cách mẹ đã vượt qua nó và cuộc sống của cô ấy có như thế nào thì cũng không còn khiến mẹ quan tâm nữa”.

Bố mẹ cũng có thể cần phải chú ý đến chính hành vi của mình. *“Nếu như bạn thấy rằng bạn đang chỉ trích một ai đó, đặc biệt khi mà có điều gì tốt đẹp đang đến với họ, đó chính là dấu hiệu bạn cần phải xử lý cơn ghen tị của chính mình”*, Weissbourd nói. *“Thật dễ để chỉ trích hơn là thừa nhận sự thiếu sót, đằng sau mỗi cảm xúc đều có một thông điệp nào đó.”*

Giúp con bạn tự hỏi: Cảm xúc đó đang nói gì với mình? Làm sao để mình xử lý nó một cách lành mạnh nhất? Nếu không, ghen tuông có thể bắt đầu cho oán giận và hung hăng. *“Một đứa trẻ có thể nghĩ, ‘Tôi bực bội bởi người đó, và tôi sẽ tìm hiểu xem liệu những người khác cũng không thích người đó giống tôi không, nếu đúng, thì tôi có quyền có cái cảm xúc này’*, Hinduja nói.

Điều chỉnh hành vi, không phải cảm xúc
Khi bạn nói với một đứa trẻ là ghen tị không phải lúc nào cũng đúng, “sự cầu khẩn giúp đỡ sẽ hiện rõ trên mặt chúng” Damour nói. Cảm xúc tạo ra sự không thoải mái, nhưng nó rất khó để kiểm soát. Cô khuyên cha mẹ nên nói “Được thôi, phản ứng ban đầu của con có thể không phải là điều gì to tát, nhưng điều gì sẽ tạo nên nhân phẩm của con?. Đừng chỉ trích sai lầm của ai đó với những người khác hay cố làm mọi chuyện phức tạp hơn.” Bạn không thể chuẩn hóa cảm xúc, nhưng bạn có thể tạo ra giới hạn cho hành vi, bắt đầu với việc xử lý mối quan hệ giữa anh chị em trong nhà. Hãy nói “Mẹ biết em làm con bực mình, nhưng con đừng làm em đau nhé”

Khen ngợi những điểm mạnh

“Trẻ nhỏ sẽ chuyển từ trạng thái “mất mát cái gì đó” sang trạng thái “thỏa mãn” khi bạn kết nối chúng với những điểm mạnh của chúng” theo Waters, giáo sư về tâm lý học. “Khi chúng làm việc gì đó tốt, hãy nói “Mẹ đã thấy con đã đưa vào trong kế hoạch của con” hoặc “Con thật sự sáng tạo”

Nếu một đứa trẻ cảm thấy bị bỏ rơi, Water sẽ hỏi chúng về tình bạn mà làm cho chúng thấy tuyệt vời nhất. Sau đó, bà sẽ đánh thức lòng tốt, sự hài hước hoặc những điểm tích cực khác mà đứa trẻ đó thể hiện trong mối quan hệ đó. “Nếu một người bạn nào đó không muốn chơi với chúng, hãy giúp chúng sử dụng những điểm tốt của mình để kết nối với những người mà muốn những điều đó.”

Trong một môi trường siêu cạnh tranh, điều quan trọng là phải giúp trẻ định hình được giá trị bản thân, Weissbourd nói. “Tại một số cộng đồng, những thứ đo lường sự thành công của bạn chỉ là bạn có giỏi các môn thể thao không? Bạn có thành tích học hành tốt không hay bạn có nổi tiếng không?” Nếu một đứa trẻ không nổi trội ở bất cứ lĩnh vực nào, chúng sẽ cảm thấy ghen tị với những bạn nổi trội khác. Đó là lúc bố mẹ cần phải chỉ rõ cho trẻ thế mạnh riêng của chúng. “Chúng ta cần phải tìm cách để khen ngợi những đứa trẻ có tinh thần hăng hái, sống tình cảm, có trách nhiệm và tích cực tham gia các hoạt động mà không cần chúng phải là những vận động viên hay học giả xuất chúng”.

Chống lại cảm giác bị lãng quên (FOMO)

Một trẻ vị thành niên đã sợ mình bị lãng quên, cô bé đã sử dụng Instagram Live để chuyện trò suốt đêm với những người bạn đang ở một bữa tiệc ngủ, theo Pletter của iParent 101. Điều này thực sự không mang lại điều gì. “Cô bé đã bị nhầm đến một cách có chủ đích và tẻ nhạt”, Pletter cho hay. Các cô bé khác có thể đã tắt camera, gọi tên cô bé ấy để khơi gợi sự quan tâm nhưng thực tế họ lại đang bàn đến những cuộc vui mà không có mặt cô bé đó.

Để chống lại cảm giác bị lãng quên hay bỏ rơi, Pletter khuyến nghị các bậc cha mẹ tăng cường chuyện trò với con cái cả trực tiếp và gián tiếp qua mạng xã hội để giúp chúng bận rộn với

những hoạt động mà chúng thích thú. Cũng theo Hinduja, “Bạn muốn ở đó làm điều gì đó chứ không chỉ là quan sát người khác sống cuộc sống của họ”. Bạn cũng có thể cần phải giúp những đứa trẻ của mình kiểm soát việc tiếp xúc với mạng xã hội, khi mà cuộc sống hoàn hảo của mọi người trên đó dường như lại làm cho chúng cảm thấy bất hạnh.

Đặt tên cho sự ghen tị

Đặt những cái tên thú vị cho mỗi cảm giác ghen tị của đứa trẻ sẽ giúp chúng hiểu rằng đó không phải là bản chất con người của chúng; chỉ đơn giản là một cảm giác khó chịu thoáng qua. Cha mẹ có thể hướng dẫn con nói: “Ồ, *nhìn xem, Jane ghen tị đã quay lại, nhưng ta đã có sức mạnh của mình, ta sẽ để cô ta đi*” Water giải thích. Nhân vật đó đóng vai trò như bộ ngắt mạch vào thời khắc quan trọng khi đứa trẻ có thể làm điều gì đó tổn hại đến danh tiếng và tình bạn của nó.

Tìm kiếm hình mẫu lý tưởng

“Sự thực phũ phàng là một số người có cuộc sống hạnh phúc một số khác lại không, một số người có tiền, một số khác lại không có” Waters nói. “Chỉ ra những thiếu hụt thực tế. Giúp các bạn trẻ kết nối với những cái các bạn ấy thực sự có và đưa ra những hình mẫu thực tế đã vượt qua được những khó khăn tương tự. Những hình mẫu này có thể là một người nổi tiếng hoặc bất cứ ai đó trong cộng đồng xung quanh.”

“Khi là một đứa trẻ, bạn nhìn người khác và nghĩ ‘Thật tuyệt, họ có mọi thứ’ nhưng không ai thực sự có cuộc sống hoàn hảo” bà nói. Gần đây, bà nghe nói có một hiệu trưởng đã chia sẻ câu chuyện cá nhân gây được tiếng vang lớn với sinh viên của ông ấy. “Ông ấy nói với họ rằng, khi ông ấy còn học trung học, bố mẹ ông ly dị và ông đã thấy rất khó khăn cũng như đã hành xử không tốt tại thời điểm đó.”

Khuyến khích sự chân thành

“Nếu bạn muốn một mối quan hệ tồn tại lâu dài, bạn phải chia sẻ cảm xúc của mình với người đó” theo Rachel Simmons, tác giả của cuốn “Như cô ấy là đủ” ([“Enough as She Is”](#)) Khi bạn loại bỏ sự xấu hổ hay bí mật, bạn cũng làm cho tình bạn của mình bớt nặng nề hơn. Bà khuyên các bạn trẻ nên nói: “Mình thật sự quan tâm đến bạn và mình cảm thấy xấu hổ vì đã có lúc ghen tị với bạn. Mình cảm thấy sẽ không tốt cho tình bạn của chúng ta nếu như mình không nói gì, vì thế mà mình muốn bạn biết.”

Tránh mọi sự so sánh

Đừng bao giờ nhận xét kiểu như “Tại sao con lại không giống Max?” Kể cả một sự so sánh tích cực cũng phản tác dụng. Nếu con gái tôi nói, “Ồ, xem này, con đã đánh bại Zoe, thế có nghĩa là con giỏi hơn”, có nghĩa là cô bé đang tự xây cho mình sự tự tin giả - Shipman nói. “Điều đó chỉ giống như kem tươi – không lâu bền.”

Nhắc đứa trẻ của bạn rằng bất cứ ai đều là duy nhất, và họ nên là phiên bản tốt nhất của chính họ. “VẬY ĐẤY”, Hinduja nói. “Chúng ta luôn dựa vào người khác để biết được giá trị của mình, để được nghe họ khen rằng chúng ta xinh đẹp hay thành công. Nhưng một khi chúng ta cho họ quyền được phán xét về chúng ta, thì vô hình chúng ta đã tự đánh mất giá trị của mình.”

Thực hành đánh giá người khác

Khi Weissbourd là một huấn luyện viên, ông đều khuyến khích những đứa trẻ thừa nhận sức mạnh của đối phương. Ông cho rằng khi bạn có thói quen tán dương thành tựu của người khác, nó sẽ dẫn đến một mối quan hệ sâu và rộng hơn. “Chúng ta phải gửi đi thông điệp rằng thể hiện sự thấu cảm không chỉ quan trọng trong những tình huống đơn giản mà cả trong những tình huống khó khăn – và thật sự khó khăn khi mà bạn có tâm lý ghen tị.”

Khuyến khích con bạn quen với sự ganh đua có hiểu biết và ghi nhận lại sự tử tế trong cả hành trình. Khi chúng hiểu ai đó hơn, chúng sẽ thấy rằng trực giác không phải lúc nào cũng đúng. “Cô bé hoàn hảo đó hoàn toàn có thể rơi vào trạng thái chán nản” Shipman nói. “Điều gây ấn tượng với con gái tôi đó là con không thể biết được điều gì ẩn sau mỗi con người. Điều mạnh mẽ nhất con có thể làm là phá vỡ vỏ bọc để thấy được con người thực cũng như nhược điểm của ai đó”



© joecclare.org

PHƯƠNG PHÁP NHÓM HỌC TẬP JIGSAW

Trung Hà tổng hợp

Phương pháp Jigsaw là gì?

Phương pháp tạo nhóm học tập Jigsaw được phát triển và đặt tên vào năm 1971 bởi Elliot Aronson tại trường Đại học Texas ở Austin. Ở các trường mới được xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc ở Austin, Jigsaw được tạo ra nhằm mục đích làm giảm sự nghi ngờ lẫn nhau còn sót lại ở học sinh. Aronson đã sáng tạo ra phương pháp Jigsaw, tập trung vào những lợi ích như xóa đi sự thù ghét giữa các học sinh và tăng tinh thần hợp tác trong lớp học. Kể từ những năm 1970, các nhà giáo dục đã áp dụng và chỉnh sửa phương pháp này để sử dụng trong các lớp học, phòng thí nghiệm hay những hoạt động ngoại khóa ở mọi cấp độ trường học. Những tương tác tích cực giữa học sinh với nhau chỉ là một trong những lợi ích mà phương pháp này mang lại.

Giáo viên chia lớp thành các nhóm có số thành viên đều nhau, được gọi là nhóm Hỗn hợp. Sau đó giáo viên chia nội dung bài học thành số phần tương ứng với số thành viên ở mỗi nhóm. Tiếp đó, giáo viên yêu cầu mỗi thành viên tự học về một phần nội dung bài học. Ở bước này, học sinh chỉ cần nghiên cứu một cách độc lập. Sau khi đã có thời gian tự học, học sinh sẽ làm việc với học sinh thuộc nhóm khác nhưng phụ trách cùng phần nội dung, gọi là nhóm Chuyên gia. Ở bước này, các học sinh chịu trách nhiệm cùng nội dung bài học sẽ thảo luận, bàn bạc và giúp nhau chuẩn bị một bài thuyết trình về nội dung ấy. Sau khi đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, học sinh lại được yêu cầu quay trở về nhóm Hỗn hợp ban đầu của mình và lần lượt mỗi thành viên trong nhóm sẽ trình bày về phần nội dung mình đã thảo luận ở nhóm Chuyên gia. Bước cuối cùng

của hoạt động này là một bài kiểm tra tổng hợp để đảm bảo mọi học sinh đều có những hiểu biết nền tảng về mọi phần nội dung của bài học.

Video dưới đây (đã được người viết dịch) có giải thích một cách trực quan hơn về phương pháp Jigsaw. Mời quý độc giả bấm vào nút CC để tiện theo dõi phụ đề tiếng Việt:

https://youtu.be/mtW3d2jv_O0

Lợi ích của Jigsaw:

Học sinh tự trực tiếp tìm hiểu về bài học, thay vì được thầy cô giảng lại, giúp thúc đẩy hiểu biết có chiều sâu.

Học sinh được thực hành kỹ năng tự học – một trong những kỹ năng giá trị nhất một người giáo viên có thể dạy.

Học sinh được thực hành kỹ năng giảng dạy cho bạn học. Kỹ năng này yêu cầu học sinh phải hiểu bài học ở tầng sâu hơn so với khi học sinh học để làm bài kiểm tra.

Trong quá trình giao tiếp với nhau ở hoạt động này, học sinh sẽ phải sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành của môn học đó, từ đó nhớ lâu hơn những thuật ngữ quan trọng.

Mỗi học sinh đều hiểu sâu hơn về một lĩnh vực nào đó, và được đóng góp những kiến thức quan trọng cho nhóm của mình.

Mỗi học sinh đều có cơ hội được tham gia đóng góp mang tính chất xây dựng, một điều khó có thể đạt được ở những cuộc thảo luận lớp.

Nhóm Chuyên gia có vai trò khích lệ việc thảo luận, kỹ năng giải quyết vấn đề và học tập.

Jigsaw thúc đẩy sự hợp tác giữa các học sinh, tăng cường việc học tập chủ động và dạy học sinh biết trân trọng đóng góp của các học sinh khác.

Jigsaw có thể được coi là một phương pháp học tập có tính tương tác hiệu quả. Mặc dù phương pháp này có thể mất nhiều thời gian, nhưng giáo viên lại không mất quá nhiều thời gian để giảng dạy về bài học. Nếu được lên kế hoạch kỹ càng, thời gian dành cho Jigsaw có thể đạt hiệu quả

tương đương với cả một buổi thuyết giảng thông thường.

Những nhược điểm của Jigsaw:

Mất nhiều thời gian chuẩn bị: việc đầu tiên giáo viên cần chuẩn bị khi thực hiện phương pháp này là kê lại bàn ghế. Cách bố trí bàn ghế ở Việt Nam hầu như là theo cột và hàng truyền thống, với trọng tâm nằm ở việc học độc lập. Phương pháp Jigsaw lại có mục đích nâng cao kỹ năng hợp tác, vì vậy việc sắp xếp lại bàn ghế để thuận tiện cho học sinh quay mặt lại với nhau để thảo luận là điều cần thiết. Việc sắp xếp này có thể mất khoảng 10 phút. Ngoài việc cần lên lớp sớm hơn bình thường, giáo viên có thể sẽ cần hỗ trợ từ phía học sinh trong việc sắp xếp. Tiếp đó, vì phương pháp này còn khá mới so với học sinh ở Việt Nam, nên những buổi đầu có thể sẽ mất thời gian để giải thích những gì phải làm, cũng như phải ổn định học sinh mỗi khi thay đổi nhóm học tập.

Một học sinh có thể phải gánh cả nhóm: trong một nhóm, dù là Hỗn hợp hay Chuyên gia, có thể có một học sinh giỏi hơn hẳn các thành viên khác trong nhóm. Điều này có thể dẫn đến việc các thành viên trong nhóm sẽ ỷ lại người giỏi nhất, từ đó tạo ra sự không công bằng trong việc đóng góp tới thành quả của nhóm. Giáo viên cần chú ý chia nhóm một cách hợp lý để đảm bảo MỌI thành viên trong nhóm đều có cơ hội học tập như nhau.

Biến thể của Jigsaw:

Clip Youtube ở trên có nhắc tới Jigsaw II, biến thể ở bài kiểm tra ở cuối hoạt động. Các jigsaw khác được biết đến bao gồm Jigsaw III: sau khi các thành viên trong nhóm Hỗn hợp đã lần lượt dạy xong phần nội dung của mình, thì cả nhóm sẽ cùng tổng hợp lại tất cả những kiến thức đã được nhắc tới trong các phần thuyết trình vừa rồi. Sau đó giáo viên mới cho học sinh làm bài kiểm tra. Jigsaw IV có thêm các phần phụ khác như: giáo viên mở đầu bằng việc giới thiệu qua

nội dung bài học; có bài kiểm tra nhỏ cho các nhóm Chuyên gia; ở cuối hoạt động, trước khi cả lớp làm bài kiểm tra tổng hợp sẽ có thời gian cho giáo viên dạy lại những phần nội dung mà nhiều học sinh còn vướng mắc.

Giáo viên hoàn toàn tự do trong việc dùng sự sáng tạo của mình để tùy biến phương pháp này dựa trên cấu trúc của Jigsaw I. Ý tưởng của người viết để có thể làm giai đoạn chia nhóm trở nên thú vị hơn là cho học sinh rút thăm bằng những que số (hoặc màu). Những ai cùng số (hoặc cùng màu) sẽ chung một nhóm. Tuy nhiên, cách này chỉ nên dùng với những lớp có học sinh với mức năng lực đồng đều, hoặc ở cấp độ học lớn hơn – nơi các học sinh có tinh thần tự giác. Các nhà giáo dục được khuyến khích thực hiện những thay đổi sao cho phù hợp với lớp của mình mà vẫn giữ được sự thích thú trong học tập của học sinh.

Ứng dụng của Jigsaw:

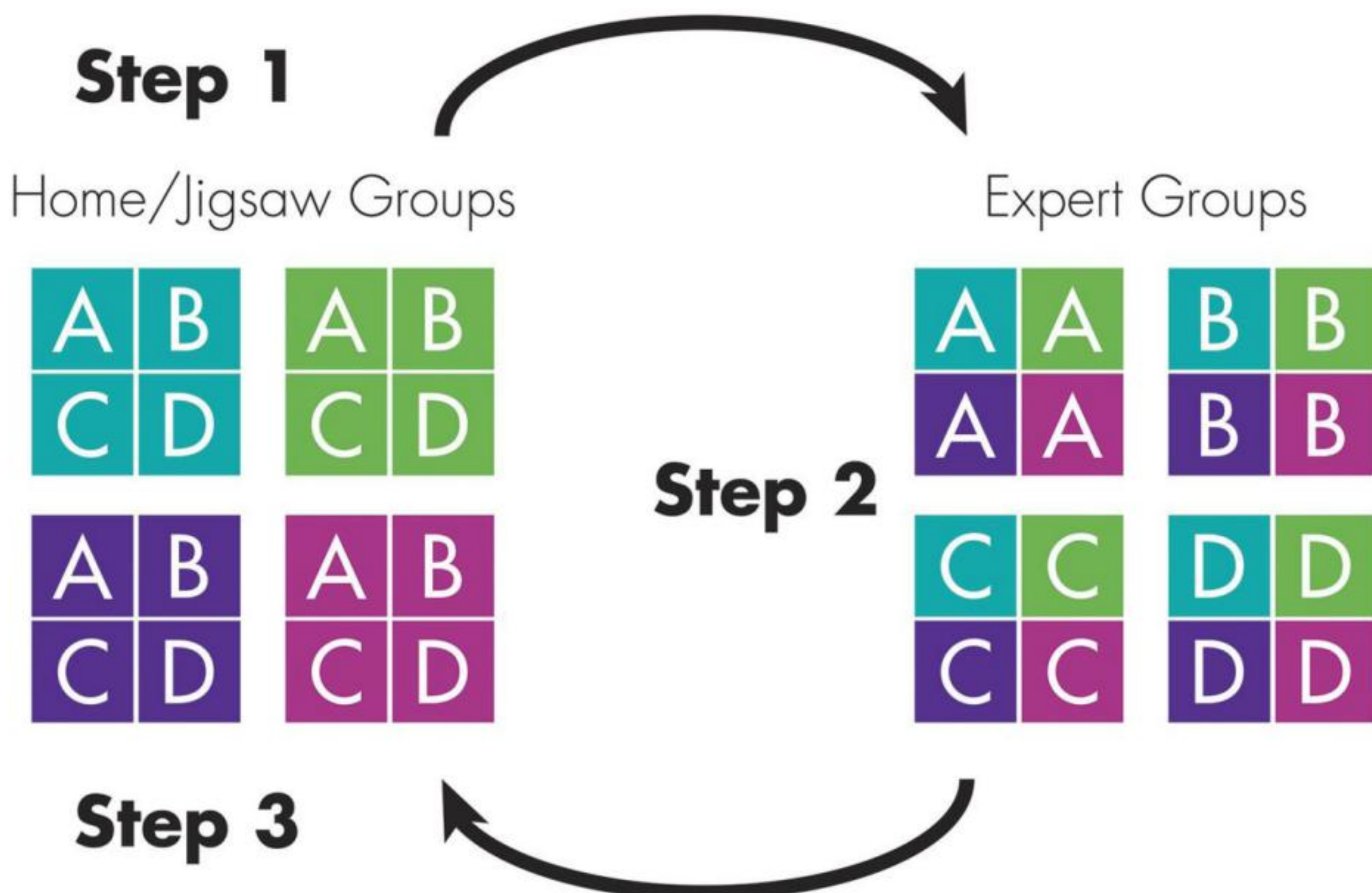
Jigsaw là phương pháp giảng dạy/học tập có thể được ứng dụng linh hoạt ngay cả với những môn học vốn-được-cho-là mang tính độc lập như Toán, Lý, Hóa hay Kế Toán. Phần ứng dụng như thế nào vào môn học nào, xin được để dành cho quý vị độc giả. Rất mong quý vị sẽ chia sẻ ý tưởng của mình tới ban biên tập, để chúng ta có thể học hỏi lẫn nhau.

Các nguồn tham khảo:

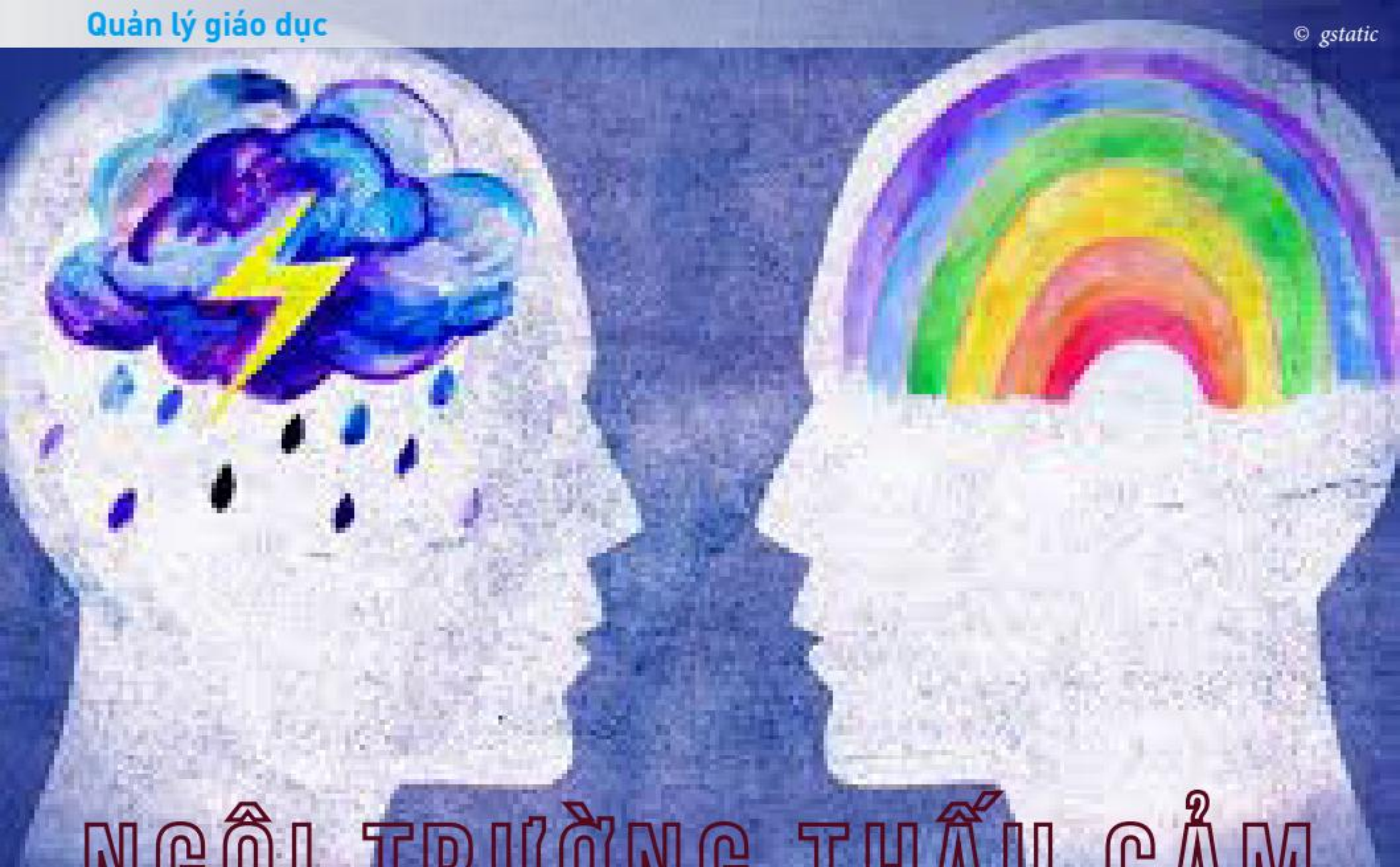
4 Things You Don't Know About the Jigsaw Method | Cult of Pedagogy. (2018). Retrieved from <https://www.cultofpedagogy.com/jigsaw-teaching-strategy/>

The Jigsaw Method. (2018). Retrieved from <https://www.youtube.com/watch?v=euhtXUg-BEts>

Why Use Jigsaws. (2018). Retrieved from https://serc.carleton.edu/NAGTWorkshops/teaching_methods/jigsaws/why.html



nguồn: ucpress.edu



NGÔI TRƯỜNG THẤU CẢM

Carol Ann Tomlinson và Michael Murphy

Diệu Nguyễn dịch

Khi nhà trường lấy sự thấu cảm làm kim chỉ nam, lòng nhân ái sẽ đơm hoa trong từng hoạt động.

Trường học luôn luôn là một nơi bận rộn, không khác nào phòng cấp cứu ở các bệnh viện. Dưới áp lực ngặt nghèo của thời gian và khó khăn của các tình huống đa dạng, người có chức trách phải nhanh chóng đưa ra những quyết định phức tạp có ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của người khác, nhưng họ lại chẳng có một cơ hội trong ngày để suy ngẫm về động cơ của những hành động và quyết định đã qua. Tương tự thế, thật khó để tìm ra những bản khoản cụ thể nào về tác động bên ngoài hay bên trong định hướng quyết định của nhà giáo. Trong nhiều trường hợp, sẽ không có một câu trả lời rõ ràng cho nguyên do của mỗi hành động.

Lãnh đạo nhà trường nỗ lực để hỗ trợ các cán bộ giáo viên và nhân viên. Giáo viên nỗ lực vì thế hệ trẻ mà họ đang trực tiếp giảng dạy. Tuy nhiên, trường học lại không có nhiều cuộc trao đổi cần thiết về “một la bàn” đóng vai trò “kim chỉ nam” cho các hoạt động để hướng chúng ta tới một đích đến tốt đẹp.

Chúng ta thường xuyên xây dựng chương trình học dựa vào các tài liệu sẵn có và được ban hành theo quy định. Chúng ta cũng quyết định phương pháp giảng dạy phù hợp chương trình đó để tránh “lãng phí” thời gian, cho nên sự thành công của chúng và của học sinh được đánh giá trên cơ sở những công cụ đo lường chuẩn hóa mà chính bản thân nhiều nhà giáo tin rằng chúng quá áp đặt và thậm chí là bất công. Chúng ta nhận ra bản thân đang thận trọng bước đi trong một bộ máy đã đi vào khuôn khổ. Nhưng nghịch lý là, học sinh đâu phải được đúc ra từ cùng một khuôn! Những ý tưởng mới được triển

khai bởi nhìn từ từ bề ngoài, chúng thú vị và có lẽ sẽ giảm bớt áp lực cấp bách hiện tại; nhưng chúng ta lại không hiểu sâu sắc về tác động và hệ quả của chúng. Sẽ dễ dàng hơn khi tương tác với phụ huynh học sinh khi ta thử đặt chân mình vào đôi giày của những người ở thế yếu ớt và bị động. Và dù trong hoàn cảnh nào, chúng ta luôn mong muốn mọi thứ tốt đẹp hơn. Rõ ràng là, công việc đã được hoàn thành. Những điều tốt đẹp vẫn diễn ra như thường lệ. Và chúng ta tiếp tục bước đi.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, những quyết định như thế này sẽ chẳng tạo ra những tiến bộ bền lâu. Vậy thì, hãy thử suy ngẫm điều này: Nếu “kim chỉ nam” trong mọi nỗ lực trường học là để tạo ra một “ngôi trường thấu cảm”? Nếu tầm nhìn phát triển trường học xoáy trọng tâm vào sự thấu hiểu trải nghiệm và suy nghĩ của các thành viên trong cộng đồng và việc ra quyết định dựa trên suy nghĩ thấu đáo về những điều tốt đẹp nhất chúng ta có thể đem lại? Liệu lời hứa nào sẽ dần dần được bồi đắp ở một ngôi trường mà những nhà lãnh đạo, giáo viên và cán bộ nhân viên toàn tâm xây dựng “đức tính thấu cảm” và hướng dẫn học sinh cùng xây dựng điều đó? Có nhiều bằng chứng chứng minh rằng cách tiếp cận này sẽ tạo ra một ngôi trường khai phá tối đa tiềm năng của cả học sinh và những người làm việc trong trường, từ đó tác động tới cộng đồng theo cả chiều sâu và rộng.

Thấu cảm là gì?

Về bản chất, *thấu cảm* mô tả năng lực hiểu và chia sẻ cảm xúc của người khác, để nhìn và cảm nhận sự việc từ góc nhìn của người đó. Bob và Megan Tschannen-Moran (2020) miêu tả thấu cảm như một “*sự trân trọng và thấu hiểu không phán xét về trải nghiệm của người khác, vì thế, thấu cảm là một định hướng và cách thực hành nuôi dưỡng những khả năng đổi mới đáng kể*” (trg 21).

Tuy nhiên, ngôn ngữ thường mang tính đánh đổ và những sự khác biệt tinh vi có thể vô cùng quan trọng. Một vài chuyên gia băn khoăn rằng *thấu cảm* có thể khiến con người ta cảm thông sâu sắc với người khác đến mức họ sẵn sàng chia sẻ bằng lời những nỗi sợ, cơn đau, niềm bất an hay nghi ngại về bản thân với một người hoặc một nhóm người mà họ cảm thấy đồng cảm. Hệ quả là, sự cảm thông đó trở nên vô tác dụng chứ không có tính tiếp sức động viên. Những chuyên gia này (như Bloom & Davidson, 2015) lựa chọn *lòng trắc ẩn (compassion)* thay vì *thấu cảm (empathy)*. Nội hàm hai thuật ngữ mặc dù có chút giao thoa nhưng chúng vẫn có sự khác nhau rõ rệt. *Lòng trắc ẩn* ám chỉ trạng thái xót xa và quan tâm đến cảm nhận của một người khác, nhưng bản thân chúng ta không thực sự đặt mình vào hoàn cảnh đó. Theo cách hiểu này, *lòng trắc ẩn* hiện hữu bởi sự tử tế và nhu cầu hành động của bản thân, thay vì để bản thân mình trải nghiệm cảm xúc của người khác.

Mặt khác, *lòng trắc ẩn* có liên hệ mật thiết tới những bất hạnh, trong khi *thấu cảm* bao hàm cả việc hiểu những cảm xúc tích cực. Hiểu và hành động xuất phát từ cả cảm xúc tích cực lẫn tiêu cực hẳn là có giá trị hơn.

Với cách giải thích này, chúng tôi (tác giả, nd) khuyến nghị lựa chọn khái niệm *ngôi trường thấu cảm (empathic school)*. Chúng tôi định nghĩa *thấu cảm* là việc kiếm tìm những hiểu biết về hoàn cảnh của một người từ quan điểm của họ và hiểu biết về nhu cầu của họ nhằm hành động khác đi khi đáp lại những nhu cầu đó hoặc xây dựng dựa trên tinh thần lạc quan. Nếu bạn thích khái niệm *trường học tình thương (compassionate school)* (xuất phát từ *lòng trắc ẩn*) thì cũng không sao. Dù tên gọi như thế nào thì mục tiêu cũng là để nhân hóa công việc thông qua thấu hiểu và học từ người khác theo nhiều cách để làm tươi sáng công việc của chúng ta.

Giá trị của thấu cảm

Chúng tôi hiểu về *thấu cảm* (hay *lòng trắc ẩn*) dựa trên nhiều nghiên cứu giáo dục, tâm lý học và khoa học thần kinh khác nhau. Tháp nhu cầu của Maslow (1943) chỉ ra rằng học tập diễn ra khi các nhu cầu cơ bản đã được thỏa mãn (như sinh lý, an toàn, được yêu thương và cảm giác thuộc về). Do đó, sự quan tâm của giáo viên tới những nhu cầu cơ bản của học sinh có vai trò quan trọng thúc đẩy trẻ trong học tập.

Tương tự, các học thuyết cơ bản về sự phát triển đạo đức (như của Gilligan, 1982; Kohlberg, 1969) cho thấy một thứ tự phát triển từ chủ nghĩa cá nhân, tới trân trọng các mối quan hệ và quan điểm của người khác, và cuối cùng là đón nhận các nguyên lý đạo đức phổ cập toàn cầu, ví dụ như tôn trọng lẫn nhau, công bằng và sự tử tế. Đó là nguyên tắc sống.

Những phát hiện mới từ khoa học thần kinh cho rằng:

Căng thẳng và những hội nhóm tiêu cực trong lớp học làm giảm hiệu quả học tập;

Cảm xúc lấn át lý trí, cho nên khi người học cảm thấy bị đe dọa, bộ phận của não kiểm soát năng lực nhận thức sẽ không hoạt động đúng chức năng;

Não bộ sẽ nhanh chóng nhận ra dấu hiệu đe dọa và ghi nhớ điều đó rất lâu (xem nghiên cứu của Sousa, 2011; Sousa & Tomlinson, 2017; Willis, 2007);

Não bộ trong cơ thể người là một cơ quan mang đặc tính xã hội cho nên các mối quan hệ gần gũi và mang tính tương trợ sẽ thúc đẩy học tập (Cozolino, 2013);

Giáo viên, cũng như cha mẹ, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển não bộ của trẻ. Một giáo viên chu đáo với những cử chỉ và hành vi tích cực đối với người học và luôn mang trong mình năng lực tích cực là một người truyền cảm hứng trong lớp học và làm giảm tối thiểu những xung đột trong đó sẽ tác động tích cực đến thành

tích của trẻ (Cozolino, 2013). Ngoài ra, nghiên cứu của Carol Dweck (2006) nhắc đến tầm quan trọng của việc nhà giáo thực hành tư duy cầu tiến và học sinh rèn luyện tư duy cầu tiến về bản thân và những người xung quanh.

Những nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực khác nhau kêu gọi giáo viên hãy thấu hiểu học sinh và nhân rộng các trải nghiệm tích cực; hãy nhìn trường học qua lăng kính học trò và hãy hành xử theo những cách tối thiểu hóa tiêu cực và tối đa hóa các đặc tính tích cực. Tương tự với quá trình đưa ra quyết định liên quan tới cán bộ nhân viên trường học, các quyết định này cần góp phần đem lại những giá trị tích cực và xây dựng các mối quan hệ tương trợ lẫn nhau giữa người với người. Nghiên cứu của Paul Zak (2017) cho thấy rằng đầu tư có chủ đích vào phát triển con người sẽ dẫn tới “một sự phát triển toàn diện”. Sự đầu tư này sẽ dẫn tới “một văn hóa giàu sự tin tưởng và có chủ đích, (điều này) phù hợp với bản chất xã hội của con người và tạo ra sự gắn kết, niềm vui và nhiều lợi ích” (trg. 208). Do đó, giá trị cao nhất của một trường học thấu cảm là sự quan tâm không chỉ đối với những người trong trường học, mà còn đối với chính họ. Nói cách khác, các quyết định được đưa ra vừa đáp ứng nhu cầu sở thích của học sinh và giáo viên, lại vừa thúc đẩy sự phát triển và phúc lợi bản thân họ (Gay, 2010).

Một ngôi trường thấu cảm

Một trường học thấu cảm mong chờ tất cả mọi người (giáo viên, lãnh đạo, nhân viên và học sinh) loại bỏ cái tôi cá nhân và hành xử một cách chu đáo dựa trên nhiều cơ sở thông tin. Từ đó, trường học trở thành một môi trường hòa nhập nơi mà những mong muốn dân chủ thống nhất, nơi mà cộng đồng vận hành đúng chức năng nhiệm vụ và nơi mà mọi hành vi tốt nhất của con người hiển hiện rõ ràng mỗi ngày. Ở đó, cả trái tim và khối óc cùng chung nhịp đập để hướng tới tương lai.

Chúng ta cố gắng thấu hiểu những người xung quanh. Hãy dừng lại để lắng nghe. Định hình việc giảng dạy và quản trị với những ý nghĩa, mục đích tốt đẹp. Chúng ta sẽ xây dựng các lớp học, các buổi họp và các không gian trường học đặc trưng bởi đối thoại hơn là độc thoại. Không gian đó luôn đầy ắp lòng biết ơn, nhập tràn sự hào phóng, và sẵn sàng cho mọi thứ tha.

Giáo viên trong những môi trường đó trao cho học sinh quyền lên tiếng về những gì chúng học, cách chúng học và thể hiện tốt nhất những hiểu biết của bản thân. Giáo viên tìm hiểu lý do sâu xa dẫn tới những ứng xử chưa đúng chứ không coi bản thân trẻ là một vấn đề cần xử lý, và tìm kiếm giải pháp chứ không trừng phạt. Hiệu trưởng sẽ cùng giáo viên tạo ra không gian và thời gian biểu khuyến khích học tập, dựa trên tính đa dạng của mỗi cá nhân cũng như lường trước nhu cầu để đảm bảo trường học vận hành linh hoạt. Mỗi quan tâm của trường học là tài sản chứ không phải khấu hao khi giúp đỡ các thành viên cộng đồng nhận ra sức mạnh và lấy chúng làm điểm tựa cho sự phát triển vượt trội sau này.

Những điều này vừa không mang tính trực giác lại vừa không dễ dàng đạt được. Hơn hết thảy, đó là khát vọng. Theo đuổi khát vọng giúp con người hòa chung nhịp đập với nhau, với thế giới xung quanh và với chính bản thân mình. Nó hoàn thiện chúng ta biến chúng ta trở thành những nhà giáo tốt hơn.

Dẫn dắt một ngôi trường thấu cảm

Trong ngôi trường thấu cảm mà chúng ta mơ ước, hiệu trưởng đóng vai trò thiết yếu. Người hiệu trưởng sẽ phải làm việc với tất thảy mọi người để cùng hình dung và thể chế hóa một tầm nhìn chung. Hiệu trưởng cần thấu hiểu và đáp lại một cách hiệu quả nhu cầu của tất cả thành viên trong cộng đồng học tập và để trường học vươn cao vươn xa bằng cách học hỏi từ những quan

điểm khác biệt. Hiệu trưởng đóng vai trò phát triển, quan sát và sẻ chia “những câu chuyện có chủ đích”, những minh họa, những câu chuyện giải thích lý do và ý nghĩa của lòng thấu cảm (Zak, 2017, trg. 177). Hiệu trưởng cũng là người dẫn dắt sự cộng đồng đón nhận sức mạnh của một “trường học có chủ đích” (theo cách gọi của Fullan, 2007), một nơi mà con người hiểu nhau và cùng nỗ lực vươn tới một mục tiêu nhân văn. Các hoạt động trường học sẽ hướng tới khai phá và trau dồi năng lực của mỗi thành viên cộng đồng và cả cộng đồng.

Hiệu trưởng phải luôn nỗ lực để đảm bảo rằng mỗi cán bộ giáo viên và nhân viên sẽ tin tưởng vào bản thân, tin tưởng vào những gì họ đang làm và tin vào đồng nghiệp. Và tiếp theo, họ sẽ tìm ra mối tương quan giữa cách trường học vận hành và cách giáo viên tổ chức lớp học. Hiệu trưởng cũng là một mẫu người thấu cảm trên mọi mặt, từ hiểu đúng cho tới thực hành thấu cảm trong mọi hành động. Hơn nữa, hiệu trưởng giúp cán bộ nhân viên, những người họ tin tưởng và cùng chia sẻ mục tiêu duy trì được năng lượng tích cực và năng suất lao động, những người (Zak, 2017).

Vai trò trung tâm của một người hiệu trưởng ở ngôi trường thấu cảm là dọn đường và giảm áp lực từ bên ngoài để giáo viên tập trung vào giảng dạy và thực hành thấu cảm. Lãnh đạo phải củng cố lại được sức ép đến từ các tiêu chuẩn giáo dục hay việc đánh giá hiệu quả học sinh, giáo viên và trường học bằng những công cụ đo lường nông cạn và hạn hẹp. Ngoài ra, trong dài hạn, họ cũng đóng vai trò kiếm tìm và triển khai các hình thức hỗ trợ giáo viên nhằm giúp giáo viên hiểu biết hơn và thoải mái hơn trong công việc.

Để thực hiện những điều này, hiệu trưởng sẽ cần tư vấn từ đồng nghiệp và trao quyền cho những lãnh đạo khác. Mục tiêu là thúc đẩy thực

hành thấu cảm và đảm bảo sự hỗ trợ sát sao khi vận dụng các biện pháp thực hành thấu cảm mới bởi chúng ảnh hưởng tới sự phát triển và thành công của học sinh, cuộc sống và công việc của nhà giáo, và việc vận hành trường học như một thể thống nhất.

Trái ngọt

Không có công thức xây dựng và thực hành thấu cảm nào đóng vai trò định hướng cách con người sống, làm việc và ra quyết định tại các trường học khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta có thể kỳ vọng vào một vài thành quả và chuyển biến nhất định. Cụ thể, thấu hiểu, tôn trọng và cùng chia sẻ cảm xúc, nhu cầu và quan điểm với người khác có thể sẽ tạo ra cơ hội cho giáo viên chia sẻ thành công và khó khăn với đồng nghiệp và lãnh đạo; sẽ thúc đẩy hợp tác giữa giáo viên và phụ huynh; sẽ giúp học sinh có tiếng nói hơn, ít học sinh bị bắt nạt hơn; và tạo ra những chương trình học bồi đắp tình yêu học tập.

Trong một ngôi trường trung học giàu thấu cảm mà chúng tôi (tác giả, nd) có dịp ghé thăm, học sinh tổ chức một chiến dịch chống nạn bắt nạt học đường. Chúng tổ chức các không gian an toàn nơi học sinh bị bắt nạt tìm đến nhờ trợ giúp. Học sinh tham gia vào các thử thách tranh luận để đánh giá tần suất và hệ quả tiêu cực của nạn bắt nạt; và khuyến khích bạn bè đứng lên chống lại những hoạt động xấu vì cuộc sống của người khác.

Trong một ngôi trường phổ thông (dạy học từ mầm non đến lớp 8) có tính thấu cảm cao khác mà chúng tôi ghé thăm, có người chào mời ở lối đi vào trường học mỗi ngày để trao đổi thân mật với học sinh. Tổng trường học đó, học sinh lớn đóng vai trò như “Người mở đường”, hướng dẫn cho học sinh nhỏ tuổi trong các môn học, hành vi thái độ và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống. Các dãy hành lang được dán nhiều áp phích cổ vũ hành động và suy nghĩ tích cực.

Cả hai trường học đều đặt kỳ vọng cao đối với học sinh, giáo viên và có hỗ trợ cho cả hai đối tượng này. Trường học tổ chức những lớp học sống động và hấp dẫn giúp kết nối học sinh với thế giới bên ngoài và biến học tập trở thành một sự đầu tư giàu giá trị.

Học tập qua thấu cảm

Con người sinh ra đã mang trong mình sự tử tế và lòng trắc ẩn; tuy nhiên, năng lực đó cần được nuôi dưỡng để có thể phát huy tối đa. Thấu cảm là hành trang tuyệt vời cho một cuộc sống ý nghĩa và thịnh vượng hơn. Thấu cảm cũng là sợi dây kết nối mỗi cá nhân với mọi người, là kênh để thực hành sự tử tế và lòng trắc ẩn. Cùng nhau xây dựng một môi trường thấu cảm và giàu tình thương sẽ khai phá tối đa tiềm năng của mỗi thành viên trường học. Nó nới rộng giới hạn và đáp ứng nhu cầu thiết yếu một cách trọn vẹn.

Art Costa, Robert Garmston và Diane Zimmerman (2012) từng nhắc tới “niềm tin sai lầm” mà các trường hay gặp phải, rằng *“giáo viên và học sinh có vai trò tương quan, hoán đổi, chứ không phải những con người thấu hiểu, duy nhất, biết quan tâm, giàu trải nghiệm và đam mê”* (trg. 12). Tác giả khuyên rằng *“chúng ta nên hỗ trợ giáo viên trở thành những người có sứ mệnh khơi dậy tình yêu học tập” chứ không phải “giúp học sinh thành thạo trong các bài đánh giá năng lực”*.

Trong một xã hội dân chủ, giáo dục nên *“gắn liền với bình đẳng, sự tham gia và mỗi người cần được công nhận như là một chủ thể toàn vẹn”* (Ayres, 2010, trg. 152). Một ngôi trường thấu cảm sẽ tập trung vào sự hoàn thiện của mỗi thành viên trong cộng đồng. Đó là một môi trường giàu tính khích lệ, giúp mọi nhà giáo dục, học và đưa ra những quyết định dựa trên tình yêu thương và sự quan tâm chu đáo. Ngôi trường sẽ nuôi dưỡng trong mỗi đứa trẻ khát khao thấu hiểu và khả năng kết nối với mọi người xung quanh bởi được tin tưởng và đón nhận.

Suy cho cùng, đó nên là những gì mà cuộc sống ở trường học nên dạy cho chúng ta, dù cá nhân hay tập thể.

Trích nguồn:

Ayres, W. (2010). *To teach: The journey of a teacher* (3rd ed.). New York: Columbia University Press.

Bloom, P., & Davidson, R. (2015). Empathy: Is it all it's cracked up to be. A dialogue from the Aspen Ideas Festival. Retrieved from www.aspenideas.org/session/empathy-it-all-its-cracked-be

Costa, A., Garmston, R., & Zimmerman, D. (2012, November 13). Teacher quality: Investing in what matters. *Education Week*. Retrieved from www.edweek.org/ew/articles/2012/11/14/12zimmerman_ep.h32.html

Cozolino, L. (2013, March 19). Nine things educators need to know about the brain. *Greater Good Magazine*. Retrieved from https://greater-good.berkeley.edu/article/item/nine_things_educators_need_to_know_about_the_brain

Dweck, C. (2006). *Mindset: The new psychology of success*. New York: Random House.

Fullan, M. (2007). *Leading in a culture of change* (revised edition). San Francisco, CA: Jossey-Bass.

Gay, G. (2010). *Culturally responsive teaching* (2nd ed.). New York: Teachers College Press.

Gilligan, C. (1982). *In a different voice: Psychological theory and women's development*. Cambridge, MA: Harvard University.

Kohlberg, L. (1969). Stage and sequence: The cognitive development approach to socialization. In D. A. Goslin (Ed.), *Handbook of socialization theory and research*, pp. 347–480. Chicago, IL: Rand McNally.

Maslow, A. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50, 370–396.

Sousa, D. (2011). *How the brain learns* (4th ed.). Thousand Oaks, CA: Corwin.

Sousa, D., & Tomlinson, C. (2017). *Differentiation and the brain: How neuroscience supports a learner-friendly classroom* (2nd ed.). Bloomington, IN: Solution Tree.

Tschannen-Moran, B., & Tschannen-Moran, M. (2010). *Evocative coaching: Transforming schools one conversation at a time*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

Willis, J. (2007). *Brain-friendly strategies for the inclusion classroom*. Alexandria, VA: ASCD.

Zak, P. (2017). *Trust factor: The science of creating high-performance companies*. New York: American Management Association.



TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC TRẺ NHỎ LÀM TÌNH NGUYỆN

Giang Thanh Tuấn dịch từ *BAD Moms*¹

Sáng kiến BAD (*Building A Dream*) Moms của bang San Diego đã thực sự trở nên nổi tiếng, những thảo luận xung quanh nó và sự hỗ trợ mà nó đã nhận được khá là tuyệt vời. Việc sáng lập ra BAD Moms và tạo cơ hội cho các gia đình làm tình nguyện cùng nhau xuất phát từ kinh nghiệm của chính bản thân tôi khi còn trẻ. Sau đó tôi tiếp tục làm tình nguyện khi đã trưởng thành, không phải vì bị bắt buộc phải làm vậy, mà bởi vì tôi muốn và cảm thấy đó là nhiệm vụ của chính mình.

Gần đây tôi bắt đầu quan sát các nhóm tình nguyện khác và tìm hiểu xung quanh lý do tại sao tình nguyện lại quan trọng (thay vì chỉ dựa trên kinh nghiệm cá nhân của tôi). Tôi tìm thấy bài viết này trên serviceleaders.org và rất tuyệt, nó thực

sự đã tóm tắt lý do tại sao điều này là rất quan trọng và tại sao tôi lại rất đam mê BAD Moms và sứ mệnh của chúng tôi.

Tôi chỉ muốn chia sẻ bài viết này với hy vọng nó thúc đẩy bạn tham gia nhiều hơn và duy trì sự nhất quán trong việc tham dự các sự kiện của chúng tôi hoặc tự mình làm nhiều hơn nữa.

Mọi người đều được hưởng lợi từ việc trẻ em làm tình nguyện viên, với những lợi ích quan trọng như: Thúc đẩy lối sống lành mạnh và sự lựa chọn, tăng cường sự phát triển; Dạy kỹ năng sống; Cải thiện cộng đồng và khuyến khích tinh thần phục vụ suốt đời.

Thúc đẩy lối sống lành mạnh và sự lựa chọn
Trẻ em phục vụ người khác ít có khả năng tham gia vào các hành vi có nguy cơ cao. Một nghiên cứu với tiêu đề “Hành trình gặp rắc rối” do Học viện Tìm kiếm (Search Institute) tiến hành đã khảo sát cuộc sống của 47,000 trẻ em từ lớp 5 đến lớp 12 tại các trường công lập trên khắp nước Mỹ (Benson & Roehlkepartain, 1993). Kết

¹ Bài viết gốc được đăng tải trên serviceleader.org. Tuy nhiên hệ thống serviceleader.org không còn tồn tại nữa, Dạy và Học dịch lại từ phiên bản đăng tải trên BAD Moms, nên các trích dẫn cụ thể không truy xuất được. Rất mong quý độc giả lượng thứ vì sự bất tiện này.



quả nghiên cứu cho thấy rằng trẻ em tham gia tình nguyện từ một giờ trở lên mỗi tuần ít có khả năng tham gia vào các hành vi có nguy cơ cao hơn những bạn không hoạt động tình nguyện (Benson & Roehlkepartain, 1993). Ví dụ, 14% trẻ em không tham gia tình nguyện thường xuyên sử dụng rượu; tuy nhiên, chỉ có 7% trẻ em tham gia tình nguyện sử dụng rượu (Benson & Roehlkepartain, 1993). Ngoài ra, 13% trẻ em không tham gia hoạt động tình nguyện bỏ học so với chỉ 7% trẻ em tham gia hoạt động tình nguyện (Benson & Roehlkepartain, 1993).

Tại sao hoạt động tình nguyện có tác động ngăn cản hành vi tiêu cực? Lý do xác đáng vì sao các hoạt động tình nguyện ngăn cản hành vi tiêu cực là: Các dự án tình nguyện cung cấp các hoạt động tích cực, có cấu trúc cho trẻ em và trẻ em tham gia vào các hoạt động tích cực này ít có khả năng tham gia vào các hành vi tiêu cực (Benson & Roehlkepartain, 1993). Tình nguyện cũng nuôi dưỡng hành vi chăm sóc ở trẻ em như thông cảm và đồng cảm với người khác, và những cá nhân quan tâm đến người khác ít có khả năng tham gia vào các hành vi tiêu cực (Phalen, 2003). Hơn thế nữa, đối nghịch với những môi trường tiêu cực có thể dẫn

đến lựa chọn tồi là việc có cơ hội tương tác với bạn bè và người lớn cùng trong một môi trường tích cực (Phalen, 2003).

Kể từ khi hoạt động tình nguyện xuất hiện để thúc đẩy lối sống lành mạnh và ngăn cản những lựa chọn tiêu cực, nó cũng là một nguồn lực quan trọng để giải quyết một số vấn đề cấp bách mà giới trẻ đối mặt như mang thai tuổi vị thành niên, nạn bỏ học, lạm dụng chất kích thích và bạo lực. Theo báo cáo của Quỹ Bảo vệ Trẻ em Hoa Kỳ, “*Kinh nghiệm* đạt được thông qua hoạt động tình nguyện hoặc dịch vụ có thể tạo ra sự khác biệt lâu dài, mang lại cho các bạn trẻ ý thức về mục đích và lý do để ở lại trường, cố gắng học hỏi và tránh mang thai *quá sớm* (Benson & Roehlkepartain, 1993)”. Với trẻ em tham gia vào các cơ hội tình nguyện, những kinh nghiệm này có thể ngăn cản chúng tham gia vào các hành vi tiêu cực hoặc lựa chọn tồi tệ, dẫn đến các vấn đề như mang thai tuổi vị thành niên và lạm dụng chất kích thích.

Tăng cường sự phát triển

Đánh giá quốc gia về giáo dục thực nghiệm (N.A.E.E. - The National Assessment of Experiential Education, trong đó hoạt động tình

nguyên là một thành phần quan trọng đã tiến hành đánh giá đánh giá hệ thống 27 chương trình trải nghiệm có sự tham gia của 40,000 sinh viên (Benson & Roehlkepartain, 1993). Giáo dục thực nghiệm thường được định nghĩa là một sự nhấn mạnh về học tập thông qua kinh nghiệm, với chương trình giảng dạy tập trung vào việc học tập của trẻ em và áp dụng các học liệu cùng một lúc (Lewis, 2002). Theo N.A.E.E., trẻ em tham gia các chương trình này có nhiều khả năng nâng cao sự phát triển của chúng trong các lĩnh vực như Tâm lý; Xã hội và Trí tuệ (Benson & Roehlkepartain, 1993).

Sự phát triển tâm lý được tăng cường bằng cách khuyến khích lòng tự trọng, trách nhiệm và hứng thú học tập (Phalen, 2003). Hơn nữa, những đứa trẻ tham gia tình nguyện được phát triển sự tự tin tích cực (Lewis, 2002). N.A.E.E. thấy rằng trẻ em đạt được cả sự phát triển cả về đạo đức lý tính và lòng tự trọng (Benson & Roehlkepartain, 1993).

Sự phát triển xã hội của trẻ được hình thành bởi việc trẻ phát triển các kỹ năng xã hội mới và một tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ đối với các lợi ích xã hội (Benson & Roehlkepartain, 1993). Một lời giải thích hợp lý cho sự tăng cường ý thức trách nhiệm là: *“Thông qua kinh nghiệm tham gia tình nguyện, trẻ em có thể thấy mình có ý nghĩa trong cuộc sống của người khác và nhận ra rằng mình có khả năng tạo ra sự khác biệt”* (Lewis, 2002). Ngoài ra, N.A.E.E. cũng lưu ý rằng trẻ em tham gia vào các chương trình cho thấy động lực lớn hơn để hành động và phát triển thái độ tích cực hơn đối với người lớn và những đứa trẻ khác (Benson & Roehlkepartain, 1993).

Sự phát triển trí tuệ chịu ảnh hưởng bởi các cơ hội học tập khi tham gia tình nguyện, các cơ hội mà trẻ em phải rèn luyện khả năng trí tuệ (Benson & Roehlkepartain, 1993). Tham gia tình

nguyên thường xuyên mở rộng khả năng trí tuệ cá nhân bởi các hoạt động tình nguyện thường đưa ra các tài nguyên mới và cơ hội để áp dụng chúng. N.A.E.E. nhận thấy rằng 3/4 trẻ em trong các chương trình học tập thực nghiệm có hiệu quả học tập tốt hơn ở các môi trường giáo dục truyền thống (Benson & Roehlkepartain, 1993). Hơn nữa, N.A.E.E. lưu ý rằng các chương trình có giá trị nhất trong việc tăng cường phát triển trí tuệ là các chương trình cho phép trẻ em phản tư hoặc nghiền ngẫm trải nghiệm của chúng (Benson & Roehlkepartain, 1993).

Dạy kỹ năng sống

Tình nguyện có thể nuôi dưỡng các kỹ năng và giá trị sống quan trọng ở trẻ em. Trẻ em tham gia các hoạt động tình nguyện đạt được những phần thưởng như kĩ năng mới hay những góc nhìn mới. Giá trị này có thể đặc biệt quan trọng trong làm việc đối với những trẻ em có ít cơ hội hơn để phát triển các kỹ năng và sở thích, chẳng hạn như trẻ em ở các khu vực đô thị có thu nhập thấp (Stanton, Giles, & Cruz, 1999). Các cơ hội tình nguyện mô phỏng các kỹ năng cần thiết cho thời kỳ trưởng thành hiệu quả. Các kỹ năng mà nhiều trẻ em có thể không nhìn thấy được trong đời sống hàng ngày, có thể bao gồm: trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ, đúng giờ, đáng tin cậy, sự chần chừ và cởi mở với những người xung quanh (Di Geronimo, 1995).

Cải thiện cộng đồng

Tình nguyện là cách hoàn hảo để trẻ em được chào đón như những thành viên tích cực, chủ động của một cộng đồng. Thông qua hoạt động tình nguyện, trẻ em có thể đóng góp có giá trị cho xã hội thay đổi liên tục của chúng. Theo một báo cáo từ Ủy ban Công việc, Gia đình và Quyền công dân của William T. Grant, hầu như không có giới hạn đối với những gì người trẻ có thể làm, không có nhu cầu xã hội nào họ không thể giúp đáp ứng; trao cho những người trẻ tuổi cơ hội phục vụ chính là truyền khả năng để họ

trở thành người đóng góp, người giải quyết vấn đề và cộng tác với người lớn trong việc cải thiện những cộng đồng, xã hội lớn hơn. Khi trẻ em trong một cộng đồng tham gia nhiều hơn vào hoạt động tình nguyện và khi nó được coi là phổ biến hơn, trẻ em sẽ ngày càng được coi là tài nguyên, thay vì bất lực hoặc không đóng góp. Khi xu hướng trẻ em làm tình nguyện viên nổi lên, việc tham gia tình nguyện có thể trở thành một điều hết sức bình thường cho cả trẻ em và người lớn. Kết quả là, cộng đồng trở thành một cộng đồng thực sự, nơi tất cả các cá nhân của cộng đồng đó chia sẻ một tầm nhìn chung và đều có thể trông cậy lẫn nhau (Benson & Roehlkepartain, 1993). Và như thế, trong một môi trường cộng đồng, trẻ em và người lớn cùng thành đạt.

Khuyến khích tinh thần phục vụ suốt đời

Tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tình nguyện đem lại một lợi ích dài hạn. Kinh nghiệm cho thấy, tình nguyện sớm trao quyền và tạo ảnh hưởng lâu dài đến tuổi trưởng thành. Chẳng hạn, Hillary Clinton tin rằng phần lớn mối quan tâm của bà dành cho các gia đình có thu nhập thấp và con cái của họ từ các chuyến thăm đến nội thành Chicago cùng nhóm thanh niên nhà thờ khi bà còn trẻ (Benson & Roehlkepartain, 1993). Các nhà tư tưởng phát triển cũng cho rằng những trải nghiệm trong thời thơ ấu và đầu tuổi thiếu niên có một lực định hình mạnh mẽ đối với các giá trị và nhận thức rõ mục đích cả đời (Lewis, 2002).

Thêm vào đó, dữ liệu từ nghiên cứu Giáo dục Công giáo hiệu quả (Effective Christian Education) càng củng cố thêm tầm quan trọng của việc tham gia tình nguyện sớm trong đời (Benson & Roehlkepartain, 1993). Nghiên cứu này phân tích dữ liệu phản hồi trong một khảo sát dành cho người lớn, những người hiện đang tham gia tình nguyện, để kiểm tra tần suất họ tham gia vào các loại hoạt động tình nguyện này khi còn nhỏ (Benson & Roehlkepartain, 1993). Nghiên cứu xác định rằng chỉ báo tốt nhất về sự tham gia tình nguyện khi trưởng thành là kinh nghiệm của họ trong việc tham gia tình nguyện hoặc các dự án giúp đỡ khi còn là trẻ em trong độ tuổi từ 5-12, hoặc thanh thiếu niên trong độ tuổi 13-18 (Benson & Roehlkepartain, 1993). Ngoài ra, nghiên cứu lưu ý rằng những người trưởng thành tích cực trong các vấn đề công bằng xã hội có xu hướng tham gia vào các dự án phục vụ cộng đồng khi còn nhỏ và/hoặc khi là thanh thiếu niên (Benson & Roehlkepartain, 1993). Diễn giải trên có thể được tóm tắt lại, là những kinh nghiệm “cho đi” từ rất sớm có tác dụng lâu dài, tạo nên mô thức hành động có ảnh hưởng đến cả tuổi trưởng thành. Tạo ra các cơ hội tham gia tình nguyện phổ biến trong lứa tuổi này sẽ củng cố giá trị của sự “cho đi” trong quá trình tự nhận thức của một đứa trẻ.

HƯỚNG ĐI NÀO CHO VIỆC: THẤU CẢM VĂN HÓA



© maxpixel.net

Veronica Boix Mansilla | Tuấn Minh dịch

Veronica Boix Mansilla là Điều tra viên chính tại Đề án Số không (Project Zero), nơi cô đồng thời giữ chức Chủ tịch Học viện Tương lai của Giáo dục (Future of Learning Institute). Nhóm nghiên cứu của cô kiểm tra các phương pháp tiếp cận định tính để giáo dục năng lực toàn cầu trên các lĩnh vực trong nhiều bối cảnh khác nhau.

Giống như nhiều độc giả của trang cá nhân này, tôi theo dõi các bài viết của Paul¹ với niềm hứng khởi. Hòa mình vào mỗi câu chuyện giúp tôi tạm quên đi hối hả thường ngày và nhìn thế giới qua đôi mắt của anh và những người anh phỏng vấn. Với văn điệu và sự chân thực, anh mang

đến cho chúng ta thế giới đang hé mở dần dần qua trải nghiệm sống của những đồng loại khác.

Thấu cảm văn hóa, khả năng hiểu cách người khác nhìn thế giới của họ là yêu cầu ở mức cao trong một thế giới đa dạng và phức tạp. Đó cũng là chủ đề của một lớp về học tập toàn cầu mà Liz Dawes Duraisingh và tôi đã giảng dạy tại Trường Giáo dục Harvard trước khi kết thúc năm học. Trong lớp học này, một nhóm sinh viên và tôi đã thử nghiệm cố gắng tiếp nhận quan điểm của các cá nhân khác nhau được ghi lại trong bài viết của Paul tên là 'Tomatoes' - một bài mô tả cảm động về cuộc gặp gỡ của ông với người tị nạn Syria đang vật lộn ở rìa sa mạc ở Jordan. Chúng tôi đã cố gắng tưởng tượng thế giới của những họ được tạo nên bởi sa mạc hùng vĩ và cuộc chiến tranh dai dẳng. Những nỗ lực của chúng tôi gặp nhiều thách thức nhưng cũng rất hào hứng khi mọi người đưa ra những mảnh ghép quan trọng về thấu cảm văn hóa.

¹ Paul Salopek: nhà báo, nhà văn người từng 2 lần đạt giải Pulitzer và đã làm việc với Chicago Tribune, Foreign Policy, The Atlantic, National Geographic Magazine cũng như nhiều cơ quan báo chí khác. Tháng 1 năm 2013, Salopek bắt đầu dự án "Out of Eden Walk", hành trình đi bộ 7 năm xuyên lục địa theo tuyến đường mà loài người đã di cư ra khỏi châu Phi, trong đó hơn 20.000 dặm được tài trợ bởi National Geographic Society, Knight Foundation và Abundance Foundation.

Làm thế nào để một người có thể bắt đầu tưởng tượng ra những giá trị văn hóa đằng sau hành động của một cá nhân khác? Chúng ta cần biết bao nhiêu về cuộc chiến ở Syria trước khi cố gắng hiểu ý nghĩa của những mảnh đời ở đó? Chúng ta cần làm gì với nỗi sợ hãi về sự thiếu hiểu biết của mình? Làm thế nào để không bị tổn thương bởi nhận thức sai lầm về con người và văn hóa của những người khác? Chúng tôi thậm chí còn đặt câu hỏi rằng liệu có thể thấu cảm văn hóa trong thế giới hỗn độn này không? Giải quyết những câu hỏi này đòi hỏi chúng ta phải cân nhắc chính khái niệm thấu cảm văn hóa.

Năng lực cốt lõi của con người

Khả năng đồng cảm được khắc sâu trong sinh học của con người. Trong hơn một thập kỷ, các nhà thần kinh học đã nghiên cứu hoạt động của các “tế bào thần kinh gương” (mirror neurons) - một loại tế bào thần kinh đặc biệt trong não. Qua đó, chúng ta có xu hướng mô phỏng trong hệ thống thần kinh của chính mình, những chuyển động vật lý và trạng thái tâm trí của những người khác².

Các nhà tâm lý học nhận thức đã chỉ ra rằng, ngay từ khi bốn tuổi, trẻ em đã xây dựng một “lý thuyết về tâm trí” (theory of mind) - bức tranh tinh thần cá nhân về quan điểm, niềm tin và động lực của những người khác³. May mắn thay, chúng ta không mất nhiều thời gian để học những quan điểm khác nhau của mọi người.

Các nhà xã hội học cũng đã giúp chúng ta thấy rằng sự hiểu biết của chúng ta về người

khác xuất hiện thông qua các tương tác xã hội. Thông qua sự trao đổi với người khác, chúng ta có được ý thức về con người họ, đồng thời hình thành ý thức về bản thân. Chúng ta liên tục tương tác với người khác, cùng điều chỉnh quan điểm của mình về họ và với họ⁴.

Hơn nữa, khả năng thấu cảm của chúng ta được hỗ trợ bởi thực tế là, dù ở khoảng cách xa hay gần, chúng ta cũng chia sẻ những trải nghiệm quan trọng với những người khác - chúng ta yêu thương, bảo vệ con cái, liên kết với bạn bè, chúng ta sợ hãi, học hỏi, chiến đấu. Cho dù chúng ta sống ở Quảng trường Harvard, một ngôi làng ở Andes hay trại tị nạn Syria, những trải nghiệm con người gắn kết chúng ta lại với nhau và làm nên một động lực chung để trò chuyện⁵.

Chúng ta có thể kết luận, thấu cảm là một nỗ lực sâu sắc của con người, một khả năng mà chúng ta ít nhiều có thể phát triển chỉ đơn giản nhờ vào việc trở thành thành viên của các nhóm trong xã hội và nhận thức về tính nhân văn trong mình.

Một câu chuyện đầy đủ hơn

Tuy nhiên, một tuyên bố cốt lõi về thấu cảm giữa người với người là chưa đủ. Trong một thế giới đòi hỏi chúng ta trở nên toàn cầu hơn, hiểu biết nhiều hơn về người khác và bản thân, một khía cạnh khác của câu chuyện này phải được kể lại. Thấu cảm đòi hỏi chúng ta cũng hiểu rằng kết giao bạn bè, bảo vệ con cái, nỗi sợ nguy hiểm mang những hình thù khác nhau khi chúng diễn ra trong bối cảnh văn hóa, tôn giáo, lịch sử và tình huống khác nhau. Và một tin không vui là những nỗ lực trực quan của chúng ta để hiểu quan điểm và trải nghiệm của người khác không phải lúc nào cũng thực sự hiệu quả.

2 Immordino-Yang, M. H. (2008). The smoke around mirror neurons: Goals as sociocultural and emotional organizers of perception and action in learning. *Mind, Brain, and Education* 2(2), 67–73

3 Wellman, H. (1990). *The child's theory of mind*. Cambridge, Mass.: MIT Press. Rogoff, B. (1995). Observing sociocultural activity on three planes. In Wertsch (Ed.), *Sociocultural studies of mind*. Cambridge [England]; New York: Cambridge University Press. Karmiloff-Smith, A. (1992). *Beyond modularity: A developmental perspective on cognitive science*. Cambridge, Mass.: MIT Press

4 Mead, G. H. (1967). *Mind, Self, and Society*. Chicago: University of Chicago Press

5 See Appiah, A. (2006) *Cosmopolitanism, Ethics in a World of Strangers* New York NY: Norton. Wikan, U. (1982). *Behind the veil in Arabia: Women in Oman*. Baltimore: Johns Hopkins University Press

Chúng ta liên kết với một cộng đồng “làng xã” nhỏ bé với những người mà mình đã biết cả đời. Đối mặt với những vấn đề phức tạp của xã hội, chúng ta có xu hướng đồng hóa hoặc xuề xòa. Chúng ta dễ mắc phải những suy nghĩ lỗi mòn hơn là có suy nghĩ khác biệt. Chúng ta có xu hướng “chấp nhận sự thiên vị”, có nghĩa là tin cậy những người đồng ý với mình và không tin những người có quan điểm khác. Hạn chế này trong thấu hiểu không phải là lỗi của chúng ta, nó chỉ đơn giản là một quy luật trong cư xử. Vì vậy việc trở nên tinh tế hơn trong việc lý giải quan điểm của người khác cần được quan tâm đặc biệt, nhất là trong thế giới ngày nay, khi các phong trào di cư mạnh mẽ và sự kết nối ở khắp nơi tạo điều kiện cho chúng ta gặp gỡ mọi người từ mọi hoàn cảnh một cách đơn giản.

Khi làm việc với các giáo viên, học sinh và các đồng nghiệp về những vấn đề này, tôi đã học được hành trình thấu cảm ở mức độ cao đòi hỏi chúng ta phải vượt qua một số rủi ro có thể xảy ra: nguy cơ sợ hãi do ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác và nỗi sợ hiểu sai chúng; nguy cơ bị xúc phạm bởi quan điểm của những người khác về nhận thức hoặc nơi xuất xứ của mình. Đây là những điều dễ gặp phải khi chúng ta nỗ lực tìm hiểu quan điểm của người khác.

Học với người khác

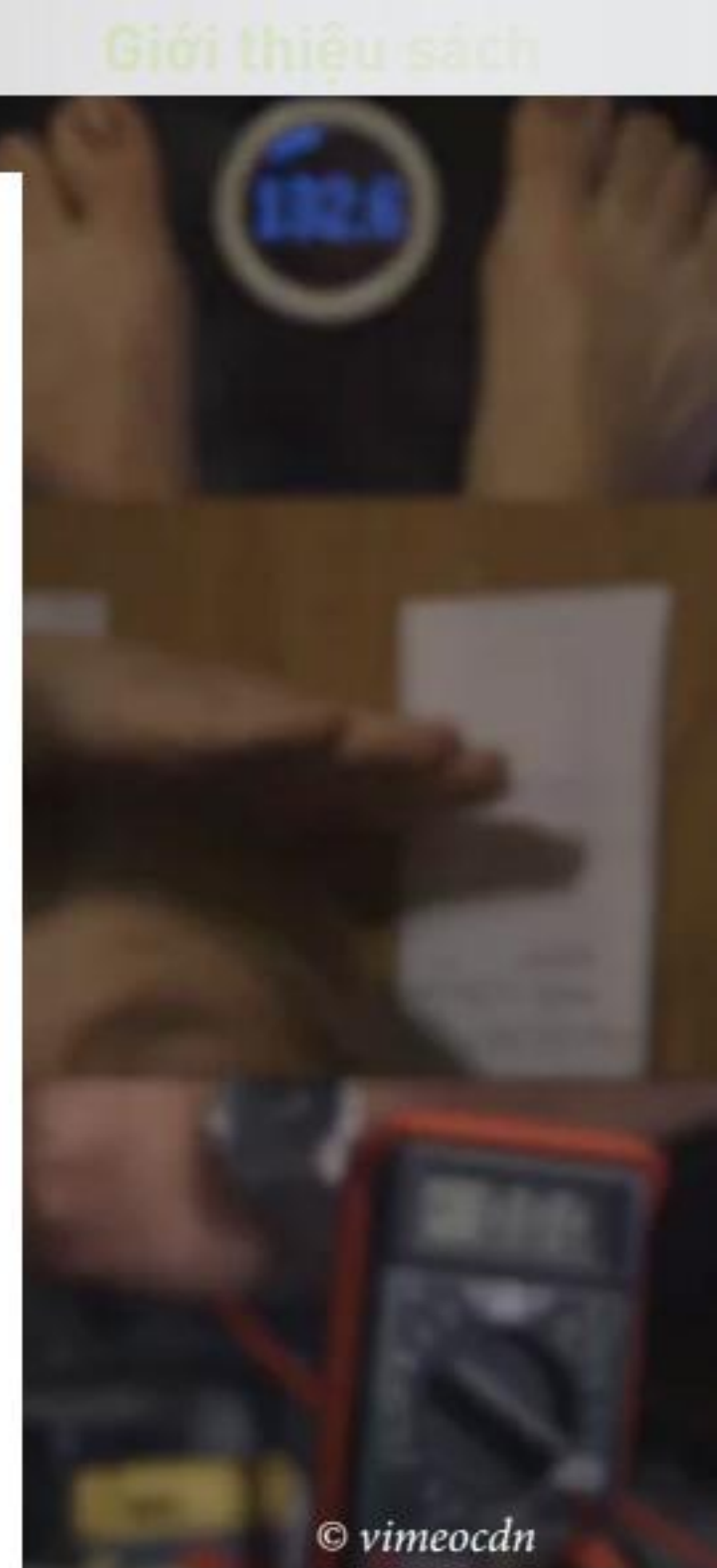
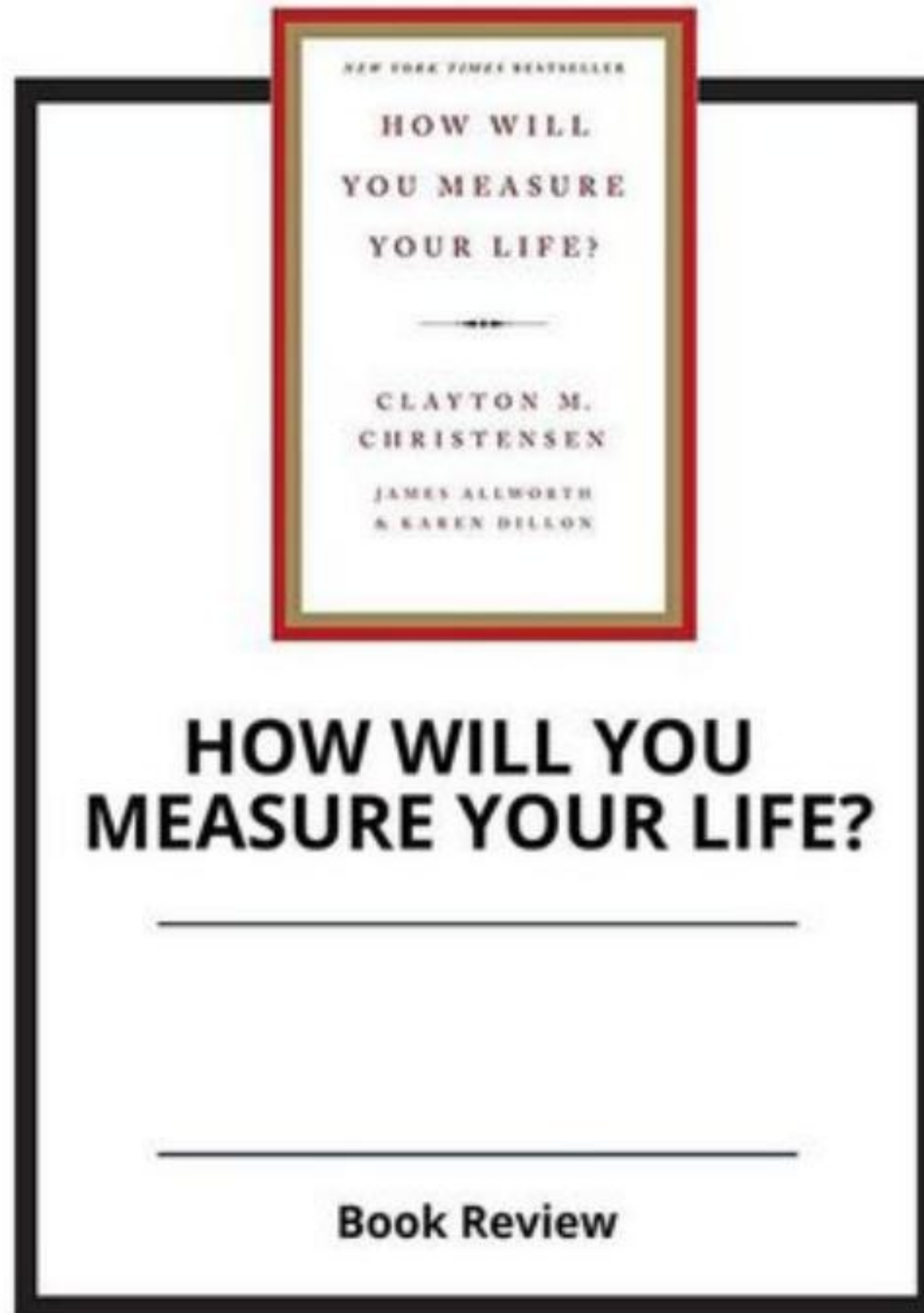
Trong giáo dục ngày nay, một số lượng lớn các nghiên cứu đang được tiến hành để đưa ra hướng đi toàn cầu hơn cho toàn bộ chương trình giảng dạy. Dạy cho giới trẻ về lịch sử, truyền thống, văn hóa và địa lý thế giới là điều quan trọng. Tuy nhiên, tôi thấy cần phải làm rõ quan điểm không nên phụ thuộc hoàn toàn vào thông tin mô tả về các nền văn hóa. Thế giới này quá rộng lớn để có thể được “bao phủ” ở phạm trù thông tin. Thay vào đó, tôi ủng hộ khuynh hướng đối thoại và tìm hiểu, trong đó chúng ta học cách nhìn nhận toàn bộ người khác với những tiềm năng của họ. Có thể là một người

phụ nữ, một công dân, một người mẹ, một bệnh nhân, một người bạn, một đầu bếp, một cô con gái và, vâng, có thể là một người tị nạn.

Một trường hợp điển hình là Laura, một người bạn của tôi là giáo viên ở Bắc Mỹ, người chịu trách nhiệm dạy Hibaaq (tất cả tên đều là đã được thay đổi), một cô gái tị nạn Somalia lớp 4 đang cố gắng hòa nhập giữa nơi ở trước kia là sa mạc nóng bỏng và ngôi nhà mới với cái lạnh buốt giá ở Portland, Maine, Mỹ.

Đương nhiên, Laura cảm thấy chưa sẵn sàng để dạy một đứa trẻ mà những câu chuyện của em hoàn toàn xa lạ. Quên đi vấn đề văn hóa và chỉ dạy ngữ pháp, dấu câu dường như là một giải pháp không thể thực hiện được. Đọc về Somalia? Có lẽ. Nhưng chỉ đến khi Laura cảm thông với Hibaaq, để hỏi về bà ngoại, những câu chuyện gia đình và bạn bè của em, Laura mới có thể phá vỡ cánh cửa ngăn cách Hibaaq với các bạn trong lớp và mọi người tìm thấy đường vào thế giới của nhau.

Tiếp cận thấu cảm từ góc nhìn đối thoại có ưu thế trong việc giúp chúng ta nhận ra giới hạn trong sự hiểu biết của bản thân, điều chỉnh kiến thức của mình với người khác và thừa nhận các cách hiểu sai. Nó cũng bắt nguồn từ nỗ lực liên tục của chúng ta để hiểu thế giới của người khác, thể hiện tôn trọng và lòng trắc ẩn trong các tương tác giữa người với người. Sự cảm thông đối với người khác - và với chính mình sẽ chúng ta cơ hội khám phá những thế giới mới. Về điều này, chúng ta sẽ tiếp tục học hỏi Paul để chia sẻ tính nhân văn trong các cuộc nói chuyện và sẵn sàng chấp nhận những cái mới.



Giới thiệu sách: How will you measure your life?

Trâm Lê *giới thiệu*

Tên sách: How will you measure your life?

Tựa sách tiếng Việt: Thước đo nào cho cuộc đời bạn

Tác giả: Clayton M. Christensen, James Allworth & Karen Dillon

Năm xuất bản: 2012

Có rất nhiều sách nói về ý nghĩa của cuộc đời. Nhưng *How will you measure your life* (Thước đo nào cho cuộc đời bạn) vẫn rất đặc biệt khi nói về hạnh phúc dưới góc nhìn của một nhà cải cách kinh doanh.

Sau thành công vang dội của cuốn *The Innovator's Dilemma* năm 1997 (bản dịch tiếng Việt là "Thế lưỡng nan của nhà cải tiến"), giáo sư Clayton M. Christensen được mời thực hiện bài phát biểu trong lễ tốt nghiệp tại Harvard Business School năm 2010. Ông đã nói về ý nghĩa cuộc đời, về định hướng đi tìm hạnh phúc trong cuộc sống. Và ông giải thích tại sao những người thành đạt thường dễ rơi vào cạm bẫy dẫn đến đau buồn. Bài phát biểu đã lay động tất cả những ai được nghe và tạo ra sức ảnh hưởng to lớn.

How will you measure your life được hoàn thành và xuất bản năm 2012 để tiếp nối câu chuyện ngày ấy. Cuốn sách chỉ gói gọn trong khoảng hai trăm trang với ba câu hỏi lớn:

Làm thế nào biết chắc tôi sẽ thành công và cảm thấy hài lòng trong sự nghiệp?

Làm thế nào đảm bảo rằng các mối quan hệ với vợ chồng, con cái, cả đại gia đình, và hết thảy bạn bè thân sẽ là nguồn hạnh phúc vô tận?

Làm thế nào để giữ vững cuộc sống chính trực liêm khiết ở đời này?

Sự nghiệp - Các mối quan hệ - Cuộc sống chính trực, chính là ba chương lớn của cuốn sách. Tất cả đều là trăn trở của hầu hết những người trẻ chuẩn bị bước ra đời và cả những người đã đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp. Nhưng điểm sáng nhất, theo tôi, nằm trong một phần nhỏ của chương hai, là thông điệp về việc dạy dỗ con trẻ.

“Giúp con trẻ học cách xử lý những việc khó khăn là một trong những vai trò quan trọng nhất của người làm cha mẹ. Chúng cần được trang bị thật tốt cho việc đối đầu với những thử thách mà cuộc đời sẽ quăng vạt vào chúng.”

Không chỉ thế, việc cho con trẻ có cơ hội được học từ việc phạm sai lầm và gặp phải thất bại còn quan trọng ở chỗ người làm cha mẹ đóng vai trò gì trong quá trình đó. Họ nên đứng cạnh con mình hay phó mặc cho một ai khác?

Giống như việc may áo quần hay trồng rau củ. Ban đầu chúng ta tự mua vải rồi tự đo và tự may, tự mua hạt giống và tự nuôi trồng. Rồi chúng ta phát hiện có thể mua tất cả mọi thứ. Và thế là chúng ta dành thời gian đi làm kiếm tiền rồi dùng tiền để mua mọi thứ. Bao gồm cả việc dạy dỗ con cái chúng ta.

Cứ như thế, các bậc cha mẹ đã và đang đẩy việc dạy dỗ con mình cho một bên thứ ba, y như các công ty đã và đang chuyển giai đoạn gia công sản xuất sản phẩm sang các nước khác để được lợi về mặt chi phí.

Hạnh phúc của những đứa trẻ, hạnh phúc của những người làm cha mẹ, trước hết và sau hết chính là mối quan hệ chia sẻ và trải nghiệm cùng nhau trong suốt cuộc đời, mà không ai khác có thể làm thay được.

Bên cạnh phần nội dung đầy ý nghĩa thực tiễn, cuốn sách còn thu hút độc giả bởi lối kể chuyện giàu xúc cảm và lay động mạnh mẽ trái tim người đọc. Christensen vừa lồng ghép những lời tự sự về trải nghiệm của bản thân, lại vừa mô tả sống động những tình huống có thật về cuộc chạy đua của các tập đoàn và doanh nghiệp. Qua đó, ý nghĩa của hạnh phúc được truyền tải một cách sâu sắc.

Và nhờ vậy mà *How will you measure your life* (Thước đo nào cho cuộc đời bạn) tạo được nguồn động lực thực sự về việc xây dựng hệ giá trị sống, cho những người trẻ và cả người đã nghỉ hưu, cho cả sinh viên và giáo viên, cho những người đang lo lắng tưởng chừng như đã thành công trong sự nghiệp và những người đang theo đuổi sự nghiệp làm cha mẹ.



TỪ BÓNG ĐÈN TRONG TRANG SÁCH ĐẾN “ÁNH SÁNG HẠNH PHÚC” CHO CỘNG ĐỒNG

Trương Thanh Hiền

Có bao giờ bạn tự hỏi: Học tập liệu có phải chỉ nhằm phát triển kiến thức và năng lực cho học sinh, và Liệu có cách nào để quá trình học tập đồng thời tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng? Hãy điểm qua một trường hợp cụ thể sau để thấy rằng việc tổ chức các hoạt động học tập hoàn toàn có thể tạo ra những đóng góp không nhỏ cho cộng đồng. Đó là câu chuyện về dự án học tập “Ánh sáng hạnh phúc” của thầy Phạm Thư Tùng và thầy Mai Xuân Long, trường THPT Ernst Thälmann (quận 1, TP HCM).

Cách đây không lâu, có thể một vài người đã xem một đoạn clip trên Youtube về một chiếc đèn được tạo ra bằng cách lấy chai nhựa đựng nước gắn trên mái nhà. Ánh sáng mặt trời khi xuyên qua chai sẽ khúc tán và trở thành đèn cung cấp ánh sáng trong nhà. Đó là một chiếc đèn chi phí thấp và tiết kiệm điện nhưng tiếc thay lại chỉ chiếu sáng ban ngày, trong khi đêm đến mới lại là lúc người ta cần đến ánh sáng. Từ ý tưởng đó, thầy trò của dự án đã sáng tạo và nâng cấp những chiếc “đèn ve chai” bằng cách lắp thêm đèn led, bộ nạp ắc quy, pin mặt trời.

Vậy là, ban ngày, điện sẽ được nạp vào ắc quy thông qua tấm pin mặt trời; tối đến, đèn trong chai nước sẽ phát sáng giúp người sử dụng vừa có thêm ánh sáng vừa tiết kiệm điện.

Trong dự án, 45 em học sinh từ 7 lớp được chia thành các nhóm chuyên môn và được phân công công việc cụ thể, như: nhóm thi công, làm công việc lắp ráp thực tế; nhóm mô hình, thí nghiệm các sản phẩm; nhóm điện tử chuyên nghiên cứu đèn Led, pin mặt trời; nhóm design làm các công việc thiết kế poster...; nhóm truyền thông, quảng cáo, lan tỏa dự án, làm phim. Trong gần một tháng sau đó, các thầy đã tập huấn kỹ lưỡng cho các em học sinh nhiều kỹ năng cần thiết. Rồi thầy trò cùng chuẩn bị vật liệu và cứ đến thứ bảy hằng tuần hoặc ngoài giờ học, nhóm dự án lại mượn phòng thí nghiệm vật lý của trường, cùng nhau mài mò và lắp ráp, thử nghiệm, nối cầu chì, khoan và cưa tôn, treo thang thử bóng đèn... cho đến khi sản phẩm hoàn chỉnh. Đây là một ví dụ về học tập theo dự án. Thông qua hoạt *Dự án Học tập* này, các thầy và học sinh đã đưa những mạch điện và bóng đèn trong trang sách thành những sản phẩm thực tế.

Thế nhưng, nếu chỉ dừng lại ở đó, bài viết này đã không nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa việc học và những ảnh hưởng đến cộng đồng. Xuyên suốt dự án, các thành viên mang chiếc đèn ve chai tự chế đến các gia đình và lắp miễn phí cho các hộ dân ở khu vực cầu Tám Nó (quận 8), xã Bình Hưng (huyện Bình Chánh) và một vài con hẻm nhỏ ở Sài Gòn. Những người dân sống trong những khu ổ chuột còn sót lại đâu đó giữa Sài Gòn hoa lệ, họ đã vui mừng khôn xiết vào ngày những chiếc đèn ve chai trên mái nhà họ bật sáng. Từ đây, họ đã có thể có ánh sáng mỗi khi trời sập tối, thứ gần như quá xa xỉ với họ suốt bao năm qua.

Dự án Học tập này được khởi nguồn từ chính trải nghiệm của thầy Phạm Thư Tùng khi thầy tham gia tổ chức Tết trung thu cho thiếu nhi khu vực cầu Tám Nó, quận 8. Sự thiếu thốn đèn điện khiến thầy trăn trở và tìm cách mang ánh đèn đến nơi này. Và ý tưởng của thầy đã được đồng nghiệp và học sinh ủng hộ. Khó khăn hiển hiện ngay từ những ngày đầu khởi động dự án, như thời gian học của học sinh, hay vấn đề tài chính... Nhưng bằng hy vọng chia sẻ yêu thương cho mọi người, thầy trò của dự án đã cùng vượt qua tất cả.

Ngày những chiếc đèn ve chai trong căn nhà khu ổ chuột cầu Tám Nó bật sáng, những cô cậu học trò đã bật khóc. Khóc vì các em thấu hiểu sự khó khăn của nhân dân lao động nơi đây. Và cũng khóc vì niềm hạnh phúc khi kiến thức của mình giúp ích cho cộng đồng. Từ những hiệu quả ban đầu, dự án đã không chỉ dừng lại ở thành phố Hồ Chí Minh, “Ánh sáng hạnh phúc” đã lan tỏa đến một số nơi tại Bình Phước, Hà Tiên, Đắk Lắk... Bằng tinh thần kết nối và sẻ chia, dự án không chỉ đem những chiếc bóng đèn trên trang sách ra thực tế, mà nó còn biến thành “Ánh sáng hạnh phúc” đem đến nhiều điều tuyệt vời cho cộng đồng.

Bạn thấy đó, học sinh của bạn hoàn toàn không phải chờ đến khi đã trưởng thành mới có thể đem kiến thức giúp ích cho cộng đồng. Ngay từ khi trên ghế nhà trường, nếu bạn biết cách tổ chức hoạt động dạy học gắn với những điều thực tiễn thì học sinh của bạn hoàn toàn có thể tạo cho cộng đồng những giá trị tích cực trong quá trình học tập của các em. Vậy bạn đã sẵn sàng cùng các em học sinh biến kiến thức thành sự đóng góp cho cộng đồng chưa?

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Vân Anh | InnEdu

Trần Trung Hà | ĐH Melbourne

Ngô Huy Tâm | Cleverlearn

Phạm Mai Hằng | Orenj Technology

Giang Thanh Tuấn | Học viện Agile

Ứng Minh Tuấn | THCS Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Bùi Quang Minh | Nha Trang

Lê Thị Thuỳ Trâm | InnEdu

Trương Thanh Hiền | InnEdu

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



Đội
Biên
Tập
&
Lộn
Xộn

“Học để Dạy, và Dạy để Học